TỔ CHỨC CÔNG TÁC BVTV ĐỂ SẢN XUẤT RAU, CHÈ AN TOÀN

Ngày 09/6/2015, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị số 4544/CT-BNN-BVTV về việc tổ chức công tác bảo vệ thực vật để sản xuất rau, chè an toàn. Nội dung cụ thể như sau:

1. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trồng rau, chè

a) Tăng cường chỉ đạo tổ chức lại công tác BVTV trong sản xuất rau, chè an toàn theo hướng liên kết các nông hộ thành hợp tác xã, tổ hợp tác; hình thành, phát triển hoạt động dịch vụ BVTV trong các hợp tác xã, tổ hợp tác để thực hiện công tác BVTV tập trung hiệu quả.

b) Chỉ đạo quyết liệt để phát triển và nâng cao hiệu quả liên kết doanh nghiệp với nông dân và bao tiêu sản phẩm rau, chè thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác; tổ chức áp dụng các quy trình sản xuất rau, chè an toàn (VietGAP), đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012; chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 và các chính sách hiện có khác để khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản an toàn, đặc biệt đối với rau và chè.

d) Chỉ đạo cơ quan chức năng có liên quan và chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã tăng cường quản lý và xử lý các trường hợp vi phạm về buôn bán, sử dụng thuốc BVTV; tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất rau, chè.

đ) Tăng cường thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về sản xuất, tiêu thụ rau, chè an toàn và tác hại của việc lạm dụng thuốc BVTV.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

a) Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn các địa phương thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác tại các vùng sản xuất rau, chè; các cơ chế, chính sách hỗ trợ thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức liên kết nông dân với doanh nghiệp; thực hiện các chính sách theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và đơn vị liên quan hỗ trợ các tỉnh, thành phố thực hiện tổ chức lại công tác BVTV trong sản xuất rau, chè.

b) Cục Bảo vệ thực vật

- Hướng dẫn các địa phương thành lập, phát triển tổ dịch vụ BVTV; hướng dẫn nội dung, chương trình đào tạo, tập huấn để cơ quan chuyên ngành về BVTV chủ động tập huấn cho các tổ dịch vụ BVTV.

- Xây dựng Sổ tay sử dụng thuốc BVTV trên rau, chè căn cứ theo Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia in ấn, phát hành; cảnh báo thuốc BVTV không được sử dụng trên rau, chè; hướng dẫn Danh mục thuốc BVTV khuyến cáo lựa chọn để sử dụng trên rau, chè khi cần thiết để nông dân biết và thực hiện.

c) Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

- Chỉ đạo các Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm rau, chè; thông tin, cảnh báo cho các doanh nghiệp và địa phương kịp thời truy xuất nguồn gốc, xác định nguyên nhân và có các giải pháp khắc phục đối với các cơ sở sản xuất vi phạm quy định về an toàn thực phẩm.

- Nâng cao năng lực, rút ngắn thời gian, đảm bảo chất lượng kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm để đáp ứng được yêu cầu trong nước, các nước nhập khẩu, đặc biệt là dư lượng thuốc BVTV trên rau, chè xuất khẩu.

d) Cục Trồng trọt

Hướng dẫn các địa phương áp dụng các quy trình sản xuất rau, chè an toàn (VietGAP) và thực hiện các chính sách theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Chủ trì, phối hợp với các tổ chức liên quan thực hiện các dự án khuyến nông về sản xuất rau, chè an toàn.

3. Các Hiệp hội

Hiệp hội Rau quả Việt Nam, Hiệp hội Chè Việt Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, chất lượng tốt, áp dụng quy trình sản xuất, chế biến rau, chè đảm bảo an toàn■

BBT (*gt*)

BA NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015

Ngày 1/7/2015, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và Triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2015.

Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát, 6 tháng đầu năm 2015, xuất khẩu một số mặt hàng nông sản tiếp tục tăng, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, mức tăng trưởng chưa được như mong đợi của Chính phủ là giữ được mức tăng trưởng GDP bình quân ngành nông nghiệp cả năm 2,9% như năm trước, góp phần đạt mức tăng trưởng GDP 6,5% của cả nền kinh tế. Để đạt được tốc độ tăng trưởng như năm 2014, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2015 của ngành nông nghiệp sẽ vô cùng nặng nề, rất cần sự quyết tâm, nỗ lực của các cơ quan, đơn vị.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm nay đạt 2,36%, mức này cao hơn năm 2013 (đạt 2,14%), nhưng lại thấp hơn so với 2014 (2,9%); giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 489.000 tỷ đồng, tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2014.

Tại buổi họp báo ngay sau Hội nghị, Bộ trưởng Cao Đức Phát cho biết, trong 6 tháng cuối năm Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa ra 09 nhóm giải pháp thúc đẩy sản xuất từ nay đến cuối năm. Trong đó lưu ý 03 nhóm giải pháp trọng tâm, cụ thể:

1. Rà soát lại các chuỗi giá trị có thị trường, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người nông dân đẩy mạnh phát triển kinh doanh. Đối với lúa gạo, tiếp tục hỗ trợ nông dân sản xuất lúa gạo có chất lượng cao hơn để tiêu thụ trong nước; đồng thời theo dõi diễn biến thị trường thế giới và phối hợp với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long hướng dẫn sản xuất vụ lúa thu đông với quy mô lớn hơn, đáp ứng thị trường thế giới. Bộ trưởng lưu ý, vụ lúa thu đông thường cho năng suất cao, chất lượng tốt hơn và được giá hơn so với các vụ khác, đặc biệt trong điều kiện các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam cũng đang gặp những khó khăn về hạn hán.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, làm đầu tàu thúc đẩy chuỗi giá trị đối với các nông sản chủ lực. Đây là nhóm giải pháp trọng tâm. Để có hiệu quả cao hơn, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thành lập tổ công tác đặc biệt để rà soát các loại phí, lệ phí. Cụ thể, tập trung vào rà soát, đơn giản hóa, giảm tối đa các loại phí, cắt bỏ thủ tục hành chính, công khai hóa, áp dụng công nghệ thông tin, thực hiện thủ tục cổng trực tuyến, giảm tối đa thời gian công sức tiền bạc của doanh nghiệp và người dân.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát trao đổi với phóng viên tại buổi họp báo chiều ngày 1/7/2015

3. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm duy trì và mở rộng xuất khẩu, hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho nông dân. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo với các tổng cục, cục, vụ làm việc với từng thị trường cụ thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho nông sản trong nước có thể xâm nhập vào các thị trường. Bộ trưởng nhấn mạnh, nhiều hiệp định tự do thương mại sẽ tiếp tục được ký kết, tinh thần của các hiệp định hầu hết là giảm thuế, nhưng vướng mắc nhất hiện nay ở các thị trường là các rào cản về kỹ thuật và thủ tục hành chính. Để tháo gỡ được các rào cản đó, chúng ta cần làm việc cụ thể với từng thị trường, trong đó, trong 6 tháng cuối năm bên cạnh việc tăng cường mở cửa thị trường với các sản phẩm thủy sản, trồng trọt thì một trong những vấn đề trọng tâm là mở cửa thị trường cho sản phẩm chăn nuôi■

BBT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Năm 2015, hoạt động của hệ thống khuyến nông triển khai trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do thời tiết khắc nghiệt, tình trạng khô hạn ở các tỉnh miền Trung, ngập mặn ở miền Nam; dịch bệnh xuất hiện rải rác ở một số nơi, đặc biệt là thị trường tiêu thụ do giá bán nhiều mặt hàng nông sản giảm. Thêm vào đó, một số dự án mới phê duyệt muộn nên triển khai chưa kịp thời mùa vụ, việc chọn điểm, chọn hộ thực hiện mô hình gặp khó khăn do yêu cầu vốn đối ứng cao (dự án khai thác và hầm bảo quản, tưới nước tiết kiệm cho chè) nên phải điều chỉnh nhiều dẫn đến chậm tiến độ.

Với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực vượt qua khó khăn, hoạt động khuyến nông trung ương 6 tháng đầu năm nay đã được triển khai đúng kế hoạch, nội dung, đảm bảo tiến độ và đạt hiệu quả cao. Nhiều dự án và các nhiệm vụ thường xuyên đạt khoảng 75% kế hoạch.

Toàn cảnh Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chuyên đề "Nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa các tỉnh vùng ĐBSCL" tại huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

1. Dự án khuyến nông

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ và của Trung tâm, các dự án đều tập trung theo hướng ưu tiên phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới. Kết quả, nhiều dự án đã có ảnh hưởng và tác động tích cực đến quá trình sản xuất, nâng cao ý thức cộng đồng, mang lại hiệu quả cao. Tất cả các dự án đã và đang được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, đạt quy mô, số hộ, thực hiện đầy đủ quy trình để đảm bảo năng suất, chất lượng theo yêu cầu. Hiện, các đơn vị đang tích cực triển khai các nhiệm vụ như tập huấn, tuyên truyền nhân rộng mô hình. Để các mô hình đạt được hiệu quả cao nhất, các chủ nhiệm dự án đã xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể về công tác chọn điểm, chọn hộ và hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị triển khai, xây dựng mô hình tập trung và ưu tiên cho các xã xây dựng nông thôn mới. Công tác tổ chức mua, cung cấp giống, thiết bị, vật tư phục vụ cho mô hình đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu và chất lượng, cấp cho bà con theo đúng tiến độ, nội dung, dự toán được duyệt. Trong quá trình triển khai, Trung tâm đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng địa phương (Sở Nông nghiệp và PTNT, Phòng Nông nghiệp và PTNT,…) để đảm bảo mô hình được triển khai được thuận lợi, sát với thực tế của địa phương và yêu cầu sản xuất.

Kết quả, nhiều mô hình, dự án khuyến nông đã trở thành các điểm trình diễn, thu hút sự quan tâm của đông đảo bà con nông dân như: "Dự án sản xuất lúa lai F1", thực hiện vụ xuân 551 ha/920 ha, đạt 59,9% kế hoạch cả năm; "Dự án duy trì và sản xuất hạt giống bố mẹ cho một số giống lúa lai 2 dòng và 3 dòng" đã đã tổ chức sản xuất 16 ha/22 ha, đạt 72% kế hoạch năm, năng suất bình quân đạt 3,3 tấn/ha, sản lượng dự kiến đạt 52,8 tấn; "Dự án 3 giảm 3 tăng và SRI", đã triển khai 700 ha/910 ha (đạt 77% diện tích cả năm) với 1045 hộ tham gia, các điểm triển khai tại Cần Thơ, Đồng Tháp đã thu hoạch, năng suất đạt 6,2 - 6,4 tấn/ha, 8 tỉnh lúa đã sạ được từ 1 tháng đến trỗ bông, lúa sinh trưởng và phát triển tốt; "Dự án cánh đồng mẫu lớn" đã triển khai 14/15 mô hình với tổng diện tích 1.000 ha, các tỉnh phía Bắc triển khai vụ đông xuân đã thu hoạch, năng suất đạt 6,4 - 6,8 tấn/ha; "Dự án xây dựng và phát triển mô hình liên kết sản xuất, cung ứng một số giống lúa xác nhận tại các tỉnh miền Trung": Lúa sinh trưởng và phát triển tốt, các lô giống được đơn vị thu mua đã được kiểm định đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định, năng suất đạt từ

Các đại biểu thăm mô hình sản xuất hạt giống lúa lai F1 tổ hợp VL20 tại huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

6 - 7,6 tấn/ha, cao hơn so với yêu cầu của dự án (5 tấn/ha); "Dự án máy sấy" đã hoàn thành xây dựng 10/12 lò sấy, trong đó có 5 lò sấy đã đưa vào hoạt động đảm bảo công suất máy theo yêu cầu, kịp thời giải quyết nhu cầu sấy lúa tại thời điểm cao điểm nhất trong năm; "Dự án nấm", quy mô 1.600 tấn nguyên liệu, sản phẩm được tiêu thụ với giá bán cao, mang lại thu nhập khá cho bà con nông dân; "Dự án mây K83", trồng mới 78 ha tại Yên Bái, Hòa Bình đạt 100% kế hoạch, cây bước đầu bám rễ, tỷ lệ sống 96 - 98%; "Dự án giống gia cầm" đã cấp phát 12.000/14.000 gà sinh sản bố mẹ tại các địa phương triển khai, đạt 85,71% theo kế hoạch đề ra; "Dự án chăn nuôi trâu sinh sản" đã cấp 133/133 trâu giống tại các địa phương triển khai, đạt 100% theo kế hoạch đề ra; "Dự án tôm sú - rong câu", toàn bộ các mô hình đã cung cấp đủ, đúng số lượng, đảm bảo chất lượng tôm sú giống; "Dự án cá lồng hồ chứa", xây dựng 6 mô hình nuôi cá diêu hồng, 3 mô hình nuôi cá tầm, 3 mô hình nuôi cá lăng nha, các mô hình đã thả giống, cấp vật tư, thức ăn, cá phát triển tốt, cỡ cá diêu hồng đạt 150 - 200 g/con, cá tầm đạt 350 - 500 g/con, cá lăng nha đạt 300 - 350 g/con; "Dự án hiện đại hóa đội tàu khai thác và bảo quản sản phẩm": Mô hình máy dò ngang cho hiệu quả sản xuất cao đã làm thay đổi kỹ thuật khai thác truyền thống, khi ứng dụng máy dò ngang góc quét 45^0, ngư dân có thể khai thác các đàn cá di chuyển cả những ngày trăng sáng....

Ngoài những kết quả đạt được, một số mô hình, dự án vẫn còn vấp phải những khó khăn, vướng mắc như:

- Một số dự án triển khai chậm do phải điều chỉnh địa bàn, nội dung, không đủ con giống cung cấp… như: Dự án bò sinh sản và bò vỗ béo, Dự án khai thác và bảo quản chế biến sản phẩm, Dự án sản xuất và ương ngao giống tại Nam Định, Dự án tưới tiết kiệm nước cho chè, Dự án nuôi thâm canh lươn đồng tại Hậu Giang.

- Đơn vị thực hiện dự án chưa cụ thể hóa tiêu chuẩn, chưa xác định rõ mục đích, yêu cầu của dự án, do vậy công tác chọn hộ chưa đảm bảo đúng đối tượng theo yêu cầu của dự án.

- Việc lựa chọn nhà thầu chưa đúng trình tự, máy móc nên kéo dài thời gian. Việc cấp phát thức ăn cho mô hình vật nuôi khi giao nhận chưa chặt chẽ, việc theo dõi, hạch toán chưa đúng trình tự quy định ...

- Một số đơn vị, chủ nhiệm dự án chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hoặc báo cáo chưa phản ánh đầy đủ nội dung thực hiện.

2. Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

Hoạt động khuyến nông thường xuyên năm 2015 nói chung và 6 tháng đầu năm được đổi mới và bám sát các định hướng của Bộ như: Sản xuất hiệu quả, an toàn, bền vững trên các cây, con chủ lực; Liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt… các chủ đề về tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới... Các nhiệm vụ triển khai chủ động ngay từ đầu năm, đã đạt những kết quả nhất định.

Hoạt động đào tạo huấn luyện

Năm nay, hoạt động đào tạo đã có nhiều đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đã tổ chức biên soạn bộ tài liệu chuẩn tích hợp nghiệp vụ và phương pháp khuyến nông làm tài liệu hướng dẫn trung tâm khuyến nông các tỉnh tổ chức tập huấn ToT; tổ chức 3 lớp tập huấn đào tạo giảng viên khuyến nông cấp quốc gia tại Hòa Bình, Thừa Thiên Huế và Cần Thơ cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh trên phạm vi toàn quốc và 3 lớp ToT về sản xuất cà phê bền vững cho các đối tác PPP tại Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum. Thông qua các lớp tập huấn đã dần xây dựng được đội ngũ giảng viên nòng cốt, có phương pháp và kỹ năng tập huấn tốt để tham gia đào tạo cho đội ngũ cán bộ khuyến nông cấp tỉnh và cấp huyện tại các địa phương.

Hoạt động thông tin tuyên truyền

Năm 2015, nhằm nâng cao chất lượng tin bài và mở rộng phạm vi phát hành, Bản tin Thông tin Khuyến nông Việt Nam xuất bản 14 số/năm, tăng số lượng phát hành 7.000 bản/số với hơn 3.800 địa chỉ nhận (tăng gấp 2 lần so với năm ngoái), trong đó ưu tiên các xã điểm xây dựng

nông thôn mới, câu lạc bộ khuyến nông, khuyến nông viên cơ sở đã phát huy tối đa hiệu quả tuyên truyền của Bản tin. Sáu tháng đầu năm mới xuất bản và phát hành 4 số do thực hiện cơ chế chào thầu với nhiều quy trình, thủ tục cần nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến tiến độ.

Trang web Khuyến nông Việt Nam cũng có nhiều đổi mới về giao diện, xây dựng thành Cổng thông tin điện tử khuyến nông với nhiều tính năng mới hữu ích như đẩy mạnh cập nhật Thư viện điện tử. Cập nhật 1.450 tin, bài, ảnh (đạt 52% kế hoạch) trên 32 chuyên mục, thu hút trên 2,5 triệu lượt người truy cập (bình quân 15 nghìn lượt người/ngày).

Về phát hành ấn phẩm, Trung tâm tiếp tục thực hiện hỗ trợ xây dựng "Tủ sách khuyến nông" cho các xã nông thôn mới theo nhu cầu cầu đăng ký của các địa phương. Đặc biệt là thực hiện in sao đĩa kỹ thuật nông nghiệp (6 loại đĩa) với 6 thứ tiếng dân tộc (Ê đê, Gia Rai, BaNa, Xơ Đăng, Kơho, Mơ Nông) phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số, giúp họ tiếp cận tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất.

Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng cũng có nhiều đổi mới, như đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền khuyến nông trên sóng truyền hình như: Chuyên mục "Khuyến nông" trên VTV Cần Thơ, Chương trình "Tiêu điểm kinh tế" trên Truyền hình Thông tấn và Chương trình "Tam nông" trên Truyền hình Nhân dân; phối hợp tuyên truyền giữa tổ chức sự kiện khuyến nông với truyền hình (kênh VTV2). Đẩy mạnh tuyên truyền đến các vùng lõm, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV1, VOV4) phát sóng bằng 12 ngôn ngữ dân tộc thiểu số các khu vực Tây Bắc, miền Trung - Tây Nguyên, góp phần đưa thông tin khoa học kỹ thuật đến với bà con người dân tộc. Sáu tháng đầu năm 2015 đã tuyên truyền 880 chuyên mục, chuyên trang với 5.600 tin, bài trên các báo, tạp chí với tổng lượng phát hành trên 20 triệu bản; 80 giờ phát sóng (phát mới) các chương trình trên truyền hình, truyền thanh.

Hoạt động tổ chức sự kiện khuyến nông đã phối hợp với truyền hình (kênh VTV2) để tuyên truyền có hiệu quả hơn, bám sát tái cơ cấu ngành và diễn biến tình hình sản xuất kịp thời khuyến cáo bà con nông dân như diễn đàn: Tưới nước tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón trong sản xuất cà phê bền vững vùng Tây Nguyên, Các giải pháp kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhãn, vải đáp ứng nhu cầu xuất khẩu vào các thị trường mới mở, Giải pháp phát triển hồ tiêu bền vững khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Giải pháp phát triển nuôi tôm nước lợ thâm canh bền vững, Liên kết giữa sản xuất và chế biến để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa vùng ĐBSCL, Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm hiện đại hoá đội tàu cá khai thác xa bờ khu vực phía Nam...

Sáu tháng đầu năm, Trung tâm đã tổ chức 8 diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp (đạt 50% kế hoạch), thu hút 2.683 đại biểu, trong đó 1.865 nông, ngư dân của 62 lượt tỉnh tham gia; Tổ chức 1 hội thi với chủ đề "Khuyến nông tham gia xây dựng nông thôn mới" phía Bắc thu hút sự tham gia của 10 tỉnh với 120 thí sinh là những cán bộ khuyến nông cơ sở giỏi và 620 đại biểu, cổ động viên; Tổ chức 2 hội chợ nông nghiệp thương mại, thu hút 488 gian hàng trong đó 136 gian hàng nông nghiệp của 235 đơn vị tham gia. Các hội chợ đã thu hút 30.500 khách tham quan, trong đó có 22.000 lượt nông dân.

Phát huy những kết quả đã đạt được, hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ khuyến nông năm 2015, xây dựng kế hoạch khuyến nông năm 2016 đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nông dân, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá■

TTKNQG

Đoàn cán bộ và bà con nông dân thăm mô hình nuôi thâm canh Artemia tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN TOT CẤP TỈNH VỀ SẢN XUẤT CÀ PHÊ BỀN VỮNG

Trong khuôn khổ Chương trình Cà phê bền vững, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp cùng Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) triển khai các khóa tập huấn "Đào tạo giảng viên cấp tỉnh về sản xuất cà phê bền vững". Trong tháng 6/2015, Trung tâm đã tổ chức 3 lớp tập huấn tại 3 tỉnh vùng Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum). Năm nay là năm thứ 2 Trung tâm tổ chức khóa đào tạo giảng viên cấp tỉnh. Tham gia khóa tập huấn, các học viên được đào tạo kỹ năng dạy học và chuyên môn kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững.

Lớp tập huấn này nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên cấp tỉnh về sản xuất cà phê bền vững để từ đó có thể đào tạo lại nông dân và người sản xuất cà phê. Họ được đào tạo về chuyên môn theo các chủ đề kỹ thuật thích hợp, đặc biệt là phương pháp và kỹ năng giảng, cách sử dụng tài liệu để có thể tham gia giảng cho các nhóm đối tượng khác nhau. Đồng thời, tham gia khóa đào tạo này, các học viên sẽ có cơ hội góp ý bổ sung tài liệu để tác giả tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện hơn.

Đối tượng giảng viên cấp tỉnh cũng đa dạng, theo đó chú trọng vai trò của các tổ chức và doanh nghiệp sản xuất cà phê bền vững và cán bộ khuyến nông tỉnh, huyện có diện tích lớn trồng cà phê, các hợp tác xã và tổ hợp tác công tư cà phê (PPP) tại các địa phương.

- Nội dung khóa tập huấn được xây dựng dựa trên Bộ tài liệu Hướng dẫn sản xuất cà phê bền vững (NSC).

- Phương pháp và kỹ năng giảng dạy lấy học viên làm trung tâm, kết hợp tham quan, thực hành mô hình tái canh cà phê. Sau đó, các học viên trình bày kết quả khảo sát FFS.

- Kết quả: Qua 3 lớp tập huấn với 90 học viên (45 học viên là cán bộ khuyến nông, 45 học viên là cán bộ nòng cốt của các công ty cà phê, tổ chức tư vấn) đã được đào tạo không những về chuyên môn kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững mà còn được đào tạo về phương pháp, kỹ năng giảng, cách sử dụng tài liệu để có thể tham gia giảng về NSC cho các nhóm đối tượng khác nhau (nông dân, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất cà phê).

Đây là chương trình hợp tác công tư về triển khai các hoạt động khuyến nông rất hiệu quả. TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã đánh giá cao sự hợp tác của Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) trong thời gian qua; cũng như nghiệp vụ và phương pháp của đội ngũ giảng viên; sự tham gia nhiệt tình của học viên, nghiêm túc tham gia học tập, thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện bộ tài liệu. Mong muốn các học viên sau khóa tập huấn sẽ là lực lượng nòng cốt tham gia đào tạo lại cho nông dân và cán bộ khuyến nông cấp huyện, sử dụng bộ tài liệu sản xuất cà phê bền vững (NSC).

Trong tháng 7/2015, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục tổ chức 2 lớp tập huấn "Đào tạo giảng viên TOT cấp tỉnh về sản xuất cà phê bền vững" tại tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng■

ĐINH HẢI ĐĂNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Học viên chuẩn bị bài, thảo luận nhóm và trình bày kết quả quan sát FFS về tình hình sâu bệnh hại cà phê tại Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

HỘI NGHỊ VỀ ĐÀO TẠO NÔNG NGHIỆP VÀ KHUYẾN NÔNG (AWGATE) lần thứ 22

Trong khuôn khổ hợp tác về Đào tạo Nông nghiệp và Khuyến nông của các nước ASEAN, Hội nghị Thường niên lần thứ 22 (AWGATE) đã tổ chức tại Thủ đô Nay Pyi Taw, Myanmar từ ngày 17 - 19/6/2015. Hội nghị lần này có 25 đại biểu đến từ 9 quốc gia: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Thái Lan và Việt Nam. TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia làm trưởng đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị.

Các đại biểu tham dự Khai mạc Hội nghị

Tại Hội nghị, các đại biểu đã xem xét, đánh giá tiến độ thực hiện khung kế hoạch hành động trong khuôn khổ hợp tác ASEAN về đào tạo nông nghiệp và khuyến nông giai đoạn 2011 - 2015, trong đó bao gồm việc thiết lập và duy trì mạng lưới thông tin giữa các quốc gia thành viên ASEAN (AMS) về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông lâm nghiệp, tiến độ thực hiện các khóa tập huấn ASEAN và một số hoạt động hợp tác khác, đồng thời đề xuất khung kế hoạch chiến lược hành động giai đoạn 2016 - 2020.

Năm 2015, các quốc gia thành viên ASEAN tiếp tục duy trì mạng lưới thông tin chuyển giao công nghệ nông lâm nghiệp, triển khai các khóa tập huấn về nông nghiệp và khuyến nông, tổ chức Tuần lễ Nông dân ASEAN và các chuyến tham quan học tập. Một số quốc gia thành viên AMS sẽ tổ chức: (1) Khóa tập huấn công nghệ sinh học trong sản xuất gạo tại Việt Nam; (2) Hội thảo chuyên đề về Quản lý chuỗi cung cấp và Hệ thống thông tin thị trường tại Myanmar; (3) Khảo sát trao đổi học tập về An toàn thực phẩm tại Malaysia; (4) Khảo sát trao đổi học tập và tập huấn về sản xuất theo GAP tại Thái Lan; (5) Tuần lễ Nông dân ASEAN tại Philippines.

Tham dự Hội nghị, TS. Hạ Thúy Hạnh đã có bài tham luận về việc sản xuất nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó nhấn mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thông tin, nâng cao nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu và phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu tới người nông dân thông qua các hoạt động khuyến nông. Đồng thời, Việt Nam đề xuất các thành viên ASEAN cần tăng cường tổ chức các hội nghị chuyên đề và hợp tác nghiên cứu nhằm giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Thủy lợi Myanmar (người đứng ngoài cùng bên trái) chia sẻ kỹ thuật trồng mía cùng các đại biểu

Đăng ký kế hoạch hành động giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam sẽ chủ trì tổ chức 2 lớp tập huấn: (1) Kỹ thuật trồng và khai thác cao su bền vững, năm 2016; (2) Sản xuất sắn bền vững, năm 2017. Đồng thời cũng là đơn vị đầu mối liên lạc tại Việt Nam chương trình học bổng của Chính phủ Nhật Bản đào tạo về chuỗi giá trị lương thực ở Thái Lan và Nhật Bản dành cho các quốc gia thành viên ASEAN, năm 2016■

NGUYỄN THỊ MINH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Hội chợ NGÀNH CHĂN NUÔI LỢN THẾ GIỚI NĂM 2015 TẠI NƯỚC MỸ

Đoàn Việt Nam tham quan Hội chợ

Trong khuôn khổ chuyến học tập tại nước Mỹ vừa qua, đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam đã có dịp đến tham quan Hội chợ Ngành chăn nuôi lợn thế giới lần thứ 27, tổ chức từ ngày 3 - 5/6/2015 tại thành phố Des Moines, bang Iowa - Nơi phát triển chăn nuôi lợn đứng đầu nước Mỹ.

Đây là Hội chợ được tổ chức hàng năm, thu hút đông đảo các quốc gia tham dự. Năm nay, Hội chợ thu hút khoảng hai mươi ngàn người từ 41 quốc gia với gần 500 gian hàng triển lãm của các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp, các trang trại... Đoàn Việt Nam do TS. Phan Huy Thông - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia làm trưởng đoàn với 10 thành viên gồm đại diện của Cục Chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương tham dự Hội chợ.

Tại Hội chợ đã tổ chức nhiều hoạt động nổi bật như giới thiệu tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi lợn, hội thảo về kỹ thuật tiên tiến, các kết quả nghiên cứu trong các lĩnh vực giống, dinh dưỡng, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng và thú y, thương mại, chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ lợn.

Nhiều giống lợn năng suất chất lượng hàng đầu được giới thiệu như Duroc, Landrace, Yorkshire, Hampshire và con lai; các sản phẩm thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học nhằm tăng cường khả năng tiêu hóa và hấp thu dinh dưỡng của lợn, nhiều loại thuốc, vắc-xin mới, hiệu quả cao cũng được giới thiệu. Đặc biệt là những thiết bị máy móc hiện đại như máy sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, xử lý nước uống và không khí ra, vào chuồng nuôi lợn, hệ thống điều khiển trực tuyến việc cho lợn ăn, khai thác tinh lợn bằng máy, công nghệ thụ tinh nhân tạo cho lợn theo kỹ thuật mới: dẫn tinh qua cổ tử cung, cho hiệu quả thụ thai cao và tiết kiệm ½ lượng tinh lợn so với phương pháp thụ tinh nhân tạo cũ.

Khi tham quan Hội chợ, du khách còn được thưởng thức rất nhiều món ăn ngon chế biến từ thịt lợn. Hội chợ thực sự là nơi các nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà quản lý và các chủ trang trại chăn nuôi trên thế giới giao lưu, trao đổi học hỏi kỹ thuật và những kinh nghiệm quý báu nhằm phát triển chăn nuôi lợn ngày càng tăng năng suất và chất lượng sản phẩm■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Các sản phẩm máy pha chế và đóng lọ tinh lợn được trưng bày tại Hội chợ

CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG
TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN

Trong 2 ngày (7 - 8/7 năm 2015), tại Bangkok - Thái Lan diễn ra Hội thảo vùng về "Những cơ hội và thách thức trong việc trao quyền cho phụ nữ và nâng cao vai trò của phụ nữ nông thôn trong hệ thống lương thực và nông nghiệp" do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp quốc (FAO) khu vực châu Á -Thái Bình Dương (TBD) tổ chức.

Tham dự Hội thảo có đại diện chuyên gia về giới của 17 nước châu Á - TBD và các cơ quan liên hợp quốc: Tổ chức Quốc tế UN, UNDP, UN ESCAP, ILO, UN Women; các cán bộ về giới của FAO Trung tâm, FAO vùng và FAO các nước châu Á - TBD và các tổ chức xã hội, tổ chức nông dân của Thái Lan, Hàn Quốc. Đoàn Việt Nam có TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, chuyên gia công tác giới của đối tác FAO tại Hà Nội.

Phụ nữ nông thôn là nền tảng của kinh tế nông thôn, đặc biệt là tại các nước đang phát triển. Phụ nữ đại diện cho 43% nguồn nhân lực nông nghiệp trên toàn thế giới. Ở châu Á - TBD, phụ nữ nông thôn đóng vai trò chủ chốt trong hệ thống lương thực và sinh kế gia đình nông thôn. Họ chịu trách nhiệm chính trong việc sản xuất, buôn bán và xử lý lương thực, chuẩn bị và phân phối thực phẩm, thức ăn cho gia đình, đảm bảo an toàn dinh dưỡng cũng như nuôi dạy và chăm sóc con trẻ. Tuy nhiên, những thách thức mà phụ nữ nông thôn các nước châu Á - TBD phải đối mặt để được công nhận đầy đủ quyền và tiềm năng vẫn còn rất nhiều.

Mục tiêu của Hội thảo nhằm đẩy mạnh trao đổi kiến thức và kinh nghiệm giữa những nước châu Á - TBD về vai trò chủ chốt của phụ nữ nông thôn trong nông nghiệp, lương thực và an toàn dinh dưỡng. Hội thảo dành nhiều thời gian để thảo luận và xác định những vùng ưu tiên hành động hỗ trợ bình đẳng giới và trao quyền kinh tế cho phụ nữ nông thôn. Các nước cũng đưa ra đề xuất những nghiên cứu, dự án vùng về công tác giới để FAO hỗ trợ kỹ thuật cũng như tìm các nguồn tài trợ. Trong nội dung này, FAO ưu tiên các hoạt động giảm nghèo, an toàn thực phẩm và an ninh dinh dưỡng trong nền nông nghiệp bền vững, bảo vệ môi trường. Những chính sách về bình đẳng giới toàn cầu, tăng cường trao quyền và thúc đẩy năng lực của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn trong vấn đề giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống nông thôn.

Các đại biểu tham dự Hội thảo

Tại Hội nghị, TS. Hạ Thúy Hạnh đã có bài trình bày về "Nâng cao vai trò của phụ nữ nông thôn Việt Nam" để giới thiệu đến các đại biểu thế giới rằng với dân số 90,5 triệu người hiện nay, lực lượng lao động nữ ở Việt Nam chiếm tỉ lệ lớn nhưng số có việc làm chỉ chiếm 48,5%. Phụ nữ nông thôn cũng là đối tượng dễ tổn thương, giữ nhiều trọng trách trong gia đình, trình độ đào tạo thấp, thiếu vốn, thu nhập thấp, khó tiếp cận kỹ thuật mới và ít có vai trò quyết định trong gia đình. Phụ nữ nông thôn có thời gian nghỉ ngơi trong ngày ít, trung bình 3 - 4 giờ/ngày, trong khi thời gian làm việc ngoài đồng ruộng từ 4 - 6 giờ/ngày, thậm chí 10 - 11 giờ/ngày (khi cao điểm của mùa vụ). Phụ nữ nông thôn ít có cơ hội tham gia tập huấn, khuyến nông; ít có thời gian đọc sách báo, xem ti vi ít hơn chồng do phải chăm sóc con cái...

Tại Hội thảo, các nhóm giải pháp được đưa ra nhằm tăng cường vai trò của phụ nữ nông thôn trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Trong đó có giải pháp tăng cường quyền bình đẳng cho phụ nữ trong lao động và việc làm, bình đẳng trong đào tạo tập huấn, chăm sóc sức khỏe, tăng số lượng cán bộ lãnh đạo nữ và đối tượng ra quyết định, tăng cường năng lực cho cán bộ làm công tác giới, các hoạt động thay đổi nhận thức của nam giới và lãnh đạo nam cấp huyện, xã về bình đẳng giới ở nông thôn.

Việt Nam đã có chiến lược bình đẳng giới và định hướng chiến lược phát triển giới đến năm 2020. Việt Nam cam kết tham gia đầy đủ các hoạt động của nhóm công tác giới giữa các nước châu Á - TBD thông qua hỗ trợ của Tổ chức FAO và các tổ chức quốc tế khác■

TS. HẠ THÚY HẠNH
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP

Chuyên đề: "ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT NHẰM HIỆN ĐẠI HÓA ĐỘI TÀU CÁ KHAI THÁC XA BỜ KHU VỰC PHÍA NAM"

Toàn cảnh Diễn đàn

Nhằm giúp ngư dân và các chủ tàu hiểu rõ và thực hiện có hiệu quả những chính sách của Nhà nước trong việc hiện đại hóa đội tàu cá đánh bắt xa bờ, ngày 26/6/2015, tại Kiên Giang, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kiên Giang tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp chuyên đề: "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm hiện đại hóa đội tàu cá đánh bắt xa bờ khu vực phía Nam".

Tham dự Diễn đàn có 300 đại biểu đại diện lãnh đạo, cán bộ khuyến nông trung tâm khuyến nông khuyến ngư và 170 ngư dân các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Trần Thanh Nam, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Mai Anh Nhịn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang Nguyễn Văn Tâm, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia Phan Huy Thông đồng chủ trì Diễn đàn.

Qua các báo cáo tại Diễn đàn cho thấy, gần đây Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho ngư dân phát triển đội tàu cá đánh bắt xa bờ với các trang thiết bị hiện đại phục vụ việc dò tìm đánh bắt và kỹ thuật bảo quản cá sau khi đánh bắt. Hiện nay đã có 1.300 tỷ đồng được hỗ trợ, giúp ngư dân đóng mới được 1.365 tàu công suất từ 90CV trở lên, nâng tổng số tàu có công suất trên 90CV của cả nước lên 24.000 tàu, ứng dụng rộng rãi máy dò ngang và dò dọc có góc quét từ 10 - 360 độ. Ngoài ra, ngư dân còn được tập huấn đào tạo về cách sử dụng và vận hành các loại trang thiết bị, được trao đổi và cập nhật phương pháp kỹ thuật mới của các nước tiên tiến nên đã nâng cao chất lượng bảo quản cá sau khi đánh bắt.

Tại Diễn đàn có 30 câu hỏi được đặt ra xoay quanh các nội dung về chính sách hỗ trợ, kỹ thuật sử dụng trang thiết bị trên tàu đã được Ban cố vấn và Ban chủ tọa Diễn đàn trao đổi, giải đáp thỏa đáng.

Kết luận Diễn đàn, Ban chủ tọa đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục đề xuất với Chính phủ sửa đổi các văn bản về chính sách, công tác đào tạo, tổ chức ngành nghề nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác xa bờ đạt hiệu quả cao. Các địa phương tăng cường đối thoại với các đơn vị liên quan để giúp ngư dân có thể tiếp cận với nguồn vốn vay, chính sách bảo hiểm, ứng dụng kỹ thuật khai thác. Diễn đàn đã đưa ra một số giải pháp như sau:

- Tăng cường công tác thông tin truyền truyền chủ trương của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho ngư dân. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và hệ thống khuyến nông cả nước sẽ tăng thời lượng thông tin về chủ trương chính sách hỗ trợ ngư dân qua các chuyên mục "Khuyến nông", "Nhịp cầu Khuyến nông" trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh Truyền hình địa phương, các báo trung ương và địa phương. Căn cứ nhu cầu của bà con ngư dân và chủ tàu để cấp phát bộ tài liệu kỹ thuật khai thác hải sản. Tổ chức các hội nghị phổ biến chủ trương, chính sách của Chính phủ. Giới thiệu và nhân rộng những mô hình ứng dụng thành công các thiết bị hiện đại trong khai thác xa bờ;

- Tăng cường công tác tập huấn đào tạo kỹ thuật khai thác, chế biến và bảo quản hải sản cho ngư dân;

- Tổ chức lại nghề khai thác theo hướng thành lập tổ đội sản xuất khai thác xa bờ trên biển để hỗ trợ, giúp đỡ nhau, đồng thời phát huy hiệu quả các thiết bị khai thác■

VŨ TIẾT SƠN
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

ĐẨY MẠNH CƠ GIỚI HÓA trong sản xuất NÔNG NGHIỆP

Nhằm đạt được mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hai vấn đề chính cần phải thực hiện là nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm. Nhiều biện pháp có thể giảm chi phí sản xuất, trong đó nâng cao tỷ lệ áp dụng cơ giới trong các khâu sản xuất được xem như một giải pháp quan trọng. Vừa qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị "Đẩy mạnh cơ giới hóa tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp". Thứ trưởng Vũ Văn Tám chủ trì Hội nghị.

Theo Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối, tỷ lệ cơ giới hóa ở các khâu sản xuất cây trồng hiện nay như sau:

- Khâu làm đất: Sản xuất lúa đạt 92%, tăng gần gấp 2 lần so với năm 2000, vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt cao nhất 98%, vùng miền núi phía Bắc thấp nhất đạt 45%. Sản xuất mía đạt 80% ở những vùng sản xuất tập trung, địa hình khá bằng phẳng. Đối với sản phẩm ngô đạt 70%, sắn 80% và rau chuyên canh đạt 90%.

- Khâu gieo trồng: Lúa gieo bằng công cụ sạ hàng và cấy đạt 30%, mía trồng mới đạt 30%, cao su 70%.

- Khâu chăm sóc: Vun xới, phun thuốc bảo vệ thực vật… đối với lúa đạt khoảng 60%, mía, chè 70%.

- Khâu thu hoạch: Lúa đạt 42%, vùng đồng bằng sông Cửu Long cao nhất đạt 76%, phía Bắc đạt 20%. Một số cây khác mới áp dụng cơ giới như chè, mía, cà phê, ngô, sắn…

- Sau thu hoạch: Hiện mới áp dụng cho lúa sấy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt khoảng 55%, các sản phẩm khác chủ yếu là làm thủ công.

Hiện nay, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho nông dân mua máy nông nghiệp nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc khó thực hiện do quy định chưa rõ ràng như: Danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ chưa chi tiết cụ thể nên người dân không hiểu phải mua cả hệ thống tưới hay chỉ một bộ phận của hệ thống để được vay vốn hỗ trợ lãi suất, dự án vay vốn cấp bù lãi suất không rõ cấp phê duyệt; Nông dân thiếu thông tin về chính sách,…

Bộ Công thương đề xuất: Cần nâng cao sức mua của nông dân; áp dụng thuế VAT 0% đối với động cơ nhỏ và máy nông nghiệp, kể cả phụ tùng linh kiện máy nông nghiệp; chống gian lận thương mại và buôn lậu để tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu; đơn giản hóa các thủ tục cho vay để nông dân dễ tiếp cận được với nguồn vốn vay.

Để nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, Hội nghị đã đưa ra một số giải pháp như sau:

- Dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng để thuận lợi cho việc sử dụng máy, lựa chọn loại máy thiết bị phù hợp cho từng đối tượng cây con sản xuất hàng hóa.

- Khuyến khích người sản xuất đầu tư vào máy móc trên cơ sở tổ chức lại sản xuất và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

- Đẩy mạnh công nghiệp chế tạo máy, thiết bị phục vụ nông nghiệp.

- Rà soát, bổ sung chính sách cho các hoạt động chế tạo và chuyển giao máy nông nghiệp; đào tạo tập huấn nông dân về sử dụng và bảo hành máy, thiết bị nông nghiệp; chính sách khuyến khích dồn điền đổi thửa, nông dân góp đất với doanh nghiệp; chính sách tài chính, tín dụng như giảm thuế nhập khẩu máy nông nghiệp, hỗ trợ mua máy…

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với cơ điện nông nghiệp, đặc biệt hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về các loại máy nông nghiệp; quy định về quản lý, giám sát máy nông nghiệp; khuyến khích và hỗ trợ cao cho các thành phần kinh tế tham gia chế tạo, kinh doanh, dịch vụ về máy móc thiết bị để phát triển cơ khí nông nghiệp; tổ chức thông tin tuyên truyền, chuyển giao khoa học công nghệ, máy móc thiết bị cơ điện nông nghiệp■

TS. TRẦN VĂN KHỞI
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Bạc Liêu: THÀNH CÔNG VỚI NUÔI TÔM QUẢNG CANH CẢI TIẾN KẾT HỢP SỬ DỤNG VI SINH

Tỉnh Bạc Liêu là nơi có mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp (QCCT-KH) khá phát triển với tổng diện tích nuôi là 107.239 ha. Đây là mô hình ổn định, bền vững, ít dịch bệnh so với nuôi tôm theo hình thức thâm canh và bán thâm canh.

Trong những năm gần đây, mặc dù điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp nhưng mô hình nuôi tôm theo hình thức QCCT-KH sử dụng vi sinh trên 200 ha của 120 hộ ở ấp Cái Giá, xã Định Thành, huyện Đông Hải cũng khá thuận lợi, ổn định, phần lớn các hộ nuôi đều có lợi nhuận khá. Vụ nuôi năm 2012 - 2013, mô hình triển khai trên diện tích 77,2 ha/38 hộ, năng suất thu hoạch bình quân là 414 kg/ha/năm (tôm, cua), lợi nhuận khoảng 35 triệu đồng/ha/năm. Cá biệt có hộ đạt lợi nhuận trên 60 triệu đồng/ha/năm. Nếu so sánh với các hộ nuôi tôm QCCT-KH theo kinh nghiệm trong dân thì năng suất, thu nhập của mô hình QCCT-KH sử dụng vi sinh đạt cao hơn và cao hơn cả lợi nhuận bình quân của toàn xã.

Vụ nuôi năm 2013 - 2014 mô hình cũng được triển khai với quy mô 260 ha/137 hộ ở 05 ấp, trong đó, xã Định Thành có 200 ha/116 hộ ở 04 ấp. Năng suất bình quân 275 kg/ha/6 tháng, tăng 30 - 50 kg so với vụ nuôi năm 2012 - 2013, lợi nhuận khoảng 40 triệu đồng/ha/năm. Cá biệt có hộ lợi nhuận trên 65 triệu đồng/ha/6 tháng, như hộ ông Dương Văn Đoàn, ông Dương Văn Út, ông Nguyễn Văn Khải, ông Bùi Văn Ngon,…

Theo đánh giá của ông Dương Minh Đoàn - Tổ trưởng Tổ hợp tác thì trong 6 tháng đầu năm 2014 có 26 hộ đạt lợi nhuận bình quân từ 50 - 65 triệu/ha, chiếm 23,5%; 65 hộ đạt lợi nhuận bình quân từ 32 - 45 triệu/ha, chiếm 55,7%; 25 hộ đạt lợi nhuận bình quân từ 20 - 30 triệu/ha, chiếm 20,8%. Nhìn chung, năng suất thu hoạch tôm, cua trong 06 tháng vụ mùa năm 2013 - 2014 đạt mức khá cao, số hộ đạt lợi nhuận từ 30 - 65 triệu đồng/ha/6 tháng chiếm > 80%. Năng suất thu hoạch của bà con tương đối ổn định qua hàng tháng, tôm, cua thu hoạch đều qua từng con nước, không có hiện tượng tôm chạy đồng loạt. Năng suất thu hoạch tôm 6 tháng đầu năm của mô hình cao hơn năng suất thu hoạch trung bình của toàn xã từ 30 - 50 kg/ha.

Ông Hồ Thanh Tuấn - Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Đông Hải nhận định: Mô hình QCCT-KH sử dụng vi sinh đã thay đổi nhận thức và hình thức sản xuất của bà con trong vùng. Trong quá trình nuôi, việc cải tạo phơi đất, sên vét bùn đồng loạt để phát huy hiệu quả của việc cải tạo, xử lý môi trường, gây tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm, cua, cá như sử dụng vôi, phân,… Nuôi theo hình thức này ít thay nước, chỉ châm bù khi nước trong vuông bị hao hụt. Đặc biệt, việc sử dụng chế phẩm vi sinh trong suốt quá trình nuôi nhằm cải tạo nền đáy, cải tạo môi trường vuông nuôi được tốt hơn, bên cạnh đó, việc sử dụng chế phẩm vi sinh để lấn át mầm bệnh có trong vuông kết hợp với lựa chọn con giống tốt qua xét nghiệm trước khi thả nuôi,…

Để mô hình nuôi tôm QCCT-KH sử dụng vi sinh phát triển bền vững trong thời gian tới, ông Dương Minh Đoàn kiến nghị các cơ quan chức năng cần tổ chức các khóa tập huấn về kỹ thuật nuôi thủy sản, xây dựng điểm trình diễn mô hình cho người dân để nâng cao ý thức sử dụng tôm giống chất lượng cao, kích cỡ lớn đối với các hộ nuôi tôm QCCT-KH sử dụng vi sinh, vận động người dân xây dựng mô hình nuôi tôm mang tính cộng đồng, có trách nhiệm; đồng thời, nhà nước cần có kế hoạch nạo vét lại hệ thống kênh, rạch đảm bảo nguồn nước luôn lưu thông tốt, đủ nước để phục vụ cho sản xuất và nuôi thủy sản■

HOÀNG TRANG
Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bạc Liêu

Ninh Thuận:

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG GẮN VỚI ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP

Thực hiện Đề án 1956 của Chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Ninh Thuận đã có những chuẩn bị chu đáo cho công tác dạy nghề nông nghiệp, chủ động phối hợp với Ngành Lao động, các địa phương, các doanh nghiệp và tư vấn học nghề, tư vấn việc làm cho lao động nông thôn.

Nhìn lại 4 năm thực hiện công tác dạy nghề nông nghiệp (2011 - 2015) của Trung tâm có thể đánh giá một số kết quả như sau: Số lao động được đào tạo là 3.200 lao động, bình quân có 650 lao động được đào tạo mỗi năm. Đối tượng ưu tiên dạy nghề là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ gia đình chính sách,... (chiếm 62% tổng số lao động qua đào tạo) và lao động nữ (chiếm 41% tổng số lao động qua đào tạo). Các lao động sau học nghề được trang bị kiến thức, kỹ năng tay nghề và vận dụng có hiệu quả vào sản xuất tại gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh. Số lao động sau đào tạo có việc làm đạt 70%. 50% lao động được các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm. Số hộ nghèo có người tham gia học nghề thoát nghèo đạt 25% và dự kiến hết năm 2015 đạt 40%. Số hộ có thu nhập khá đạt trên 20% và đạt 30% vào cuối năm 2015.

Trung tâm cũng hỗ trợ hình thành phát triển một số vùng sản xuất hàng hóa như: vùng sản xuất lúa giống, vùng trồng rau sạch, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn nuôi gia súc tập trung,… Trung tâm là cầu nối liên kết doanh nghiệp với người sản xuất, thành lập một số hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, tổ sản xuất với 15% lao động qua đào tạo tham gia.

Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Ninh Thuận đã đề xuất những định hướng giai đoạn 2016 - 2020 và một số giải pháp thực hiện như sau:

Dự kiến đến năm 2020 đào tạo nghề nông nghiệp đạt 2500 - 3000 lao động (bình quân 500 - 600 lao động được đào tạo mỗi năm). Trong đó ưu tiên đối tượng là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, gia đình chính sách và lao động nữ. Phấn đấu đưa số lao động sau học nghề có việc làm đạt 85 - 90%; Số lao động được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm đạt trên 60%; Số lao động tham gia tổ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã đạt 50%; Số hộ nghèo có người tham gia học nghề thoát nghèo đạt 60% và số hộ có thu nhập khá đạt 70%.

Để đạt được mục tiêu trên, Trung tâm sẽ chú ý đến các giải pháp :

- Ưu tiên chọn vùng tuyển sinh đối với địa bàn các xã vùng xa, vùng khó khăn, vùng người dân tộc thiểu số và gắn với mục tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Tư vấn chọn nghề đào tạo sát với quy hoạch phát triển kinh tế nông nghiệp và phát huy lợi thế tại địa phương. Trong đó lấy tái cơ cấu ngành nông nghiệp làm chủ đạo để hạn chế thấp nhất rủi do về dịch bệnh, giá cả và tác động biến đổi khí hậu, hạn hán,…

- Phối hợp tốt giữa cơ sở dạy nghề với chính quyền địa phương, tăng cường liên kết doanh nghiệp với nông dân. Tập trung hình thành các vùng sản xuất hàng hoá, cánh đồng mẫu lớn, thành lập tổ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã,…

Buổi học thực hành tại lớp đào tạo nghề sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi

- Tiếp tục góp ý xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình nghề phù hợp từng đối tượng cây con và mục đích nghề đào tạo, lồng ghép các nội dung về an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt, các tiến bộ kỹ thuật mới,...

- Nâng cao trình độ sư phạm nghề, kỹ năng phương pháp khuyến nông, tạo điều kiện giao lưu trao đổi kinh nghiệm trong đào tạo nghề, tổ chức đánh giá chất lượng giảng viên dạy nghề.

- Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị dạy nghề■

ĐẶNG NGỌC QUANG
Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Ninh Thuận

NGHỆ AN: Kinh nghiệm trồng dưa hấu ĐẠT NĂNG SUẤT CAO

Anh Trần Duy Hùng ở xóm 10, xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An là người có thâm niên trồng cây dưa hấu 14 năm nay. Vụ xuân 2015, gia đình anh trồng 6 sào dưa hấu (1 sào = 500 m^2). Hiện tại, anh đã thu hoạch được 3 sào, năng suất đạt 1,8 tấn/sào, bán tại ruộng giá 3000 đồng/kg, trừ các khoản chi phí về giống, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật… anh còn lãi 4,5 triệu đồng/sào.

Anh Hùng chia sẻ, trồng dưa hấu không khó nhưng đòi hỏi người làm phải biết áp dụng kỹ thuật chính xác, kinh nghiệm thực tế cộng với điều kiện thời tiết thuận lợi mới đạt được năng suất cao. Vụ hè thu, anh dự định trồng 10 sào dưa.

Ông Đậu Danh Nhân - khuyến nông viên xã Diễn Thành cho biết: Năm nay toàn xã trồng 17 ha dưa hấu vụ xuân, năng suất bình quân đạt 1 tấn/ha. So với các hộ trồng dưa khác thì ruộng dưa của gia đình anh Hùng đạt năng suất vượt trội (thời gian trồng đến lúc thu hoạch chỉ 60 - 65 ngày), thu lãi từ 4 - 5 triệu đồng/sào.

Dưới đây là kinh nghiệm trồng dưa được anh Hùng đúc rút trong nhiều năm:

- Thời vụ: Ở huyện Diễn Châu, trồng dưa 2 vụ/năm vào vụ xuân và vụ hè.

- Chọn giống: Chọn giống dưa có quả dài, tròn đều, trọng lượng trung bình 3 - 4 kg, ruột đỏ, vỏ mỏng, có nguồn gốc từ Thái Lan như dưa Phù Đổng, Thánh Gióng…

- Chọn đất: Dưa hấu thích hợp ở vùng đất thịt nhẹ, đất cát pha, chủ động nguồn nước, tưới tiêu thuận lợi. Trước khi trồng dưa phải bón vôi, cày bừa kỹ. Cày luống đơn rộng 2,5 m, luống đôi rộng 4,5 - 5 m, cao 30 cm.

- Màng phủ nông nghiệp: Nên dùng màng phủ có 2 mặt, mặt màu đen phủ xuống dưới có tác dụng ngăn ngừa cỏ dại, giữ ẩm, tránh xói mòn, rửa trôi.

- Mật độ trồng thích hợp 450 - 500 cây/sào, cây cách cây 40 - 45 cm.

- Gieo hạt: Hạt giống sau khi ngâm ủ, phụ thuộc điều kiện thời tiết mà có thể gieo thẳng hoặc làm bầu.

- Phân bón: Bón lót phân chuồng hoai mục và 15 kg phân NPK Đầu Trâu 13.13.13S. Tùy vào các giai đoạn phát triển của cây để hòa phân NPK để tưới gốc hay bón thúc cho hợp lý.

- Tưới nước: Cây dưa rất cần nước nên cần phải tưới nước thường xuyên để đảm bảo giữ ẩm cho cây phát triển, nên tưới nước vào buổi sáng, rễ phát triển nhanh hơn, hạn chế bệnh bạc lá.

- Tỉa nhánh: Khi cây 3 - 4 lá thật bấm ngọn lần đầu, sau 5 - 7 ngày cây ra nhánh chọn mỗi cây 2 nhánh khỏe, cân đối để lại.

- Thụ phấn: Sau khi trồng 25 - 30 ngày, cây ra hoa rộ thì tiến hành thụ phấn cho cây, thời gian thụ phấn tiến hành vào 7 - 9 giờ sáng.

- Chọn quả: Nên chọn quả từ lá thứ 8 đến lá thứ 12, cách gốc khoảng 1,5 m, chọn quả dài, cuống to, tròn đầy, không bị sâu bệnh và lớn nhanh sau khi thụ phấn. Mỗi dây chọn 1 - 2 quả. Sau khi chọn quả 3 - 4 ngày thì bấm ngọn để tập trung dinh dưỡng nuôi quả.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thường xuyên thăm ruộng để phát hiện sâu bệnh và có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

**** Một số lưu ý khi trồng dưa:***

- Không nên sử dụng các chất kích thích sinh trưởng vì nó kích thích cây hút nước mạnh, quả mau lớn và tích nước nhiều nên dễ bị úng nước, thối rữa, vỡ quả.

- Bón phân cân đối, vừa đủ.

- Không nên để đất khô quá bởi khi tưới nước trở lại hoặc trời mưa thân cây dễ bị nứt.

- Khi quả nhỏ không tưới nước lên quả vì sẽ làm quả bị mất lông, sần sùi.

- Ngừng tưới nước trước khi thu hoạch 5 - 7 ngày để dưa ngọt hơn.

- Ngừng phun thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch 10 - 15 ngày để đảm bảo an toàn cho người sử dụng■

CAO THỊ HÀ
Trạm Khuyến nông huyện Diễn Châu, Nghệ An

Hà Nam: Làm giàu TỪ MÔ HÌNH NUÔI GÀ, NGAN ĐẺ TRỨNG

Thời gian gần đây, nhiều vùng nông thôn đã xuất hiện những hộ nông dân phát triển chăn nuôi gà với số lượng từ 100 - 1.000 con, mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, cho thu nhập vài chục triệu đồng đến vài trăm triệu đồng mỗi năm, tùy theo quy mô. Mô hình nuôi gà lai Đông Tảo và ngan Pháp của gia đình anh Bùi Văn Đại, thôn Trung Hòa, xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là một mô hình như thế.

Trước đây, gia đình anh cũng nghèo khó, vất vả, với ý chí thoát nghèo, cuối năm 2011 anh quyết định đầu tư nuôi gà, ngan. Để có được vốn đầu tư, anh Đại đã vay Ngân hàng Nông nghiệp huyện và bạn bè được gần 300 triệu đồng. Với số vốn đó, anh đã xây dựng chuồng trại và mua dụng cụ phục vụ chăn nuôi, mua con giống ở Phú Xuyên, Hà Nội.

Khi mới nuôi, do chưa có kinh nghiệm nên gia đình anh chỉ nuôi khoảng 200 - 300 gà mái đẻ và 100 con ngan thịt. Vừa nuôi vừa học hỏi kinh nghiệm những người đi trước, từ khâu chọn giống đến cách làm chuồng trại hợp lý, phòng chống dịch bệnh. Ngay cả việc cho ăn cũng phải hợp lý theo từng giai đoạn phát triển của gà để chúng hấp thụ thức ăn tốt nhất. Năm đầu tiên, nhờ chịu khó học hỏi và áp dụng đúng kỹ thuật chăn nuôi nên mô hình chăn nuôi gà, ngan của anh mang lại hiệu quả kinh tế.

Nhận thấy có hiệu quả, anh vững tin hơn để mở rộng quy mô chăn nuôi, đến nay tổng đàn gà, ngan đẻ của gia đình anh đã có hơn 2.000 con với 2 khu chuồng trại khoảng 500 m^2. Anh Đại chia sẻ: Chăn nuôi con gì cũng vậy, việc phòng bệnh là rất quan trọng, phải tiêm phòng, cho uống thuốc, nếu thấy gà có dấu hiệu bị bệnh cần kịp thời cách ly để khỏi lây lan đến con khác. Ngoài ra, vào lúc chuyển mùa, thời tiết thay đổi đột ngột cần theo dõi và cho ăn khẩu phần ăn hợp lý. Mùa này gà cần nhiều năng lượng để hoạt động và tăng sức đề kháng, ngoài các loại thức ăn có sẵn như lúa, ngô, gia đình còn cho gà ăn thêm các loại bột và thức ăn công nghiệp. Thường xuyên vệ sinh máng ăn, máng uống sạch sẽ để phòng trừ dịch bệnh…

Nhờ chăn nuôi tốt nên đàn gà, ngan đẻ của gia đình anh đẻ trứng rất đều. Trung bình 1.000 con gà, ngan mái đẻ/300 con trống. Đầu năm 2015, gia đình anh đầu tư mua máy ấp trứng để phục vụ con giống cho gia đình cũng như cung cấp giống cho bà con các vùng lận cận. Mỗi tháng anh đưa vào ấp khoảng 2 - 3 vạn trứng gà, ngan. Sản phẩm làm ra được thương lái khắp nơi đến đặt mua. Không chỉ nuôi gà, ngan, anh Bùi Văn Đại còn có thú chơi chim bồ câu. Đến nay anh có khoảng 100 đôi chim bồ câu đẻ cũng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trừ chi phí, cuối năm 2014 anh thu lãi được 300 triệu đồng/năm. Đầu năm 2015, anh đã xuất bán 1,2 tấn gà và 1 tấn ngan loại thải.

Mới bước sang tuổi 29 nhưng anh Đại bước đầu đã thành công với mô hình chăn nuôi của mình, giúp gia đình vượt qua mọi khó khăn, từng bước vươn lên làm giàu■

ĐÌNH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

Anh Bùi Văn Đại đang chăm sóc đàn gia cầm của gia đình

Cà Mau: Ứng dụng lưới rê hỗn hợp trong khai thác thủy sản xa bờ

Tỉnh Cà Mau hiện có 2.448 tàu cá đang làm nghề lưới rê, trong đó có 238 phương tiện có công suất trên 90CV (chủ yếu là: lưới cá chét, lưới thưng, lưới rê 3, lưới rê 5, lưới cá khoai...), đa số khai thác ở vùng bờ và vùng lộng là chính nên hiệu quả mang lại chưa thật sự cao. Năm 2013, được sự hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học của tỉnh thuộc Dự án "Nâng cao năng suất, chất lượng và sản phẩm hàng hóa tỉnh Cà Mau giai đoạn 2012 - 2015", Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã tiến hành áp dụng thí điểm 01 mô hình "Ứng dụng lưới rê hỗn hợp trong khai thác một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao ở vùng biển xa bờ" cho hộ ngư dân tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời. Cho đến nay, mô hình đã đi vào hoạt động ổn định và cho hiệu quả khá cao.

Nghề lưới rê hỗn hợp là nghề mới nhưng kỹ thuật khai thác thì đơn giản và phù hợp với trình độ của ngư dân, quy trình, thời gian khai thác của mẻ lưới ngắn và chủ yếu là ban đêm. Ngư phủ làm việc trên tàu được hỗ trợ việc kéo lưới bằng máy tời nên công việc đơn giản hơn rất nhiều so với nghề lưới rê truyền thống và các nghề khai thác khác hiện đang sử dụng sức người là chính. Hiện nay nghề này đang từng bước được phát triển ở địa phương.

Điểm khác biệt của nghề này so với lưới rê truyền thống là chỉ lưới loại PE xe lơi, gồm từ 24 đến 72 sợi đơn, có màu xanh hoặc xám. Khi hoạt động trong nước, chỉ lưới xòe ra (hay còn gọi là lưới xù). Lưới rê hỗn hợp được thiết kế với chiều cao lớn để khai thác được cá sống ở cả tầng mặt và tầng đáy. Đặc biệt, lưới có kích thước mắt lưới lớn (2a = 140 mm và 2a = 160 mm) khai thác có chọn lọc chỉ bắt những loại cá lớn, có giá trị kinh tế (cá thu, cá bóp, cá hường…).

Doanh thu trung bình của tàu thực hiện mô hình từ lúc chuyển đổi sang nghề lưới rê hỗn hợp tăng từ 35% - 45%. Mặt khác, nghề lưới rê hỗn hợp đa số khai thác ở vùng biển xa bờ nên đã góp phần làm giảm áp lực khai thác ở vùng biển ven bờ, đồng thời còn góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên biển.

Hội đồng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau nghiệm thu nhận xét: Đây là một nghề khai thác mới trong tỉnh có tiến bộ, tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, công lao động (chỉ cần 4 - 5 lao động), sản phẩm có giá trị kinh tế cao dễ dàng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Đồng thời đây là một nghề khai thác có tính bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế khá cao và ổn định, không gây tác động xấu đến nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản, tạo việc làm ổn định và nâng cao mức thu nhập cho ngư dân, phù hợp với chủ trương quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của Nhà nước hiện nay.

Lưới rê hỗn hợp tiết kiệm được chi phí nhiên liệu, công lao động

Nắm được nhu cầu của ngư dân, năm 2015 Chi cục đã tiến hành hỗ trợ nhân rộng thêm mô hình cho 4 hộ ngư dân tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời. Các mô hình này đã đi vào hoạt động rất có hiệu quả và ổn định.

Tuy nhiên, để triển khai nghề này sẽ gặp một số khó khăn như: Vốn đầu tư để mua một vàng lưới rê hỗn hợp tương đối cao (từ 1 - 1,6 tỷ đồng, cao gấp 2 - 3 lần so với lưới rê thường). Các tàu cá đang làm nghề khác muốn chuyển đổi sang nghề lưới rê hỗn hợp thì đòi hỏi phải sửa chữa, cải hoán lại để phù hợp với nghề mới. Vật liệu để lắp ráp vàng lưới rê hỗn hợp (áo lưới, dây, chì...) ở địa phương không có sẵn và phải đặt mua từ các tỉnh ngoài, tốn thời gian và chi phí vận chuyển.

Do vàng lưới rê hỗn hợp có chiều dài tương đối lớn, khoảng 7.000 m nên rất khó quản lí trong quá trình hoạt động khai thác trên biển, lưới thường xuyên bị mất do các tàu các nghề lưới kéo đi qua và nạn tranh chấp ngư trường vẫn còn thường xuyên diễn ra■

TRUNG TÂM KNKN CÀ MAU

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG trên lợn

1. Đặc điểm, nguyên nhân

Bệnh tụ huyết trùng là bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn tụ huyết trùng gây ra. Bệnh có tỷ lệ chết cao, có thể ghép với suyễn, đóng dấu lợn, phó thương hàn và dịch tả lợn.

Hầu hết các loài gia súc, gia cầm, động vật hoang dại đều mắc bệnh. Lợn ở mọi lứa tuổi đều có thể mắc bệnh, phổ biến ở lợn từ 3 - 6 tháng tuổi.

Vi khuẩn tụ huyết trùng có trong cơ thể lợn khoẻ mạnh thường tập trung ở niêm mạc đường hô hấp. Khi có yếu tố bất lợi như thời tiết thay đổi đột ngột, chuyển đàn, dinh dưỡng kém... thì vi khuẩn sẽ phát triển thành bệnh. Bệnh truyền trong đàn qua đường hô hấp hoặc tiếp xúc với các chất thải, dụng cụ chăn nuôi có mang mầm bệnh.

2. Đường truyền lây

Lây lan qua đường tiêu hoá và hô hấp. Lây trực tiếp từ gia súc ốm, chết.

Lây gián tiếp qua dụng cụ, thiết bị chăn nuôi, thức ăn, nước uống...

3. Triệu chứng

Thời gian ủ bệnh từ 1 - 14 ngày, thường có 2 thể bệnh:

**** Thể cấp tính***

Lợn sốt cao trên 41^{0}C; nằm li bì, khó thở, thở dốc; ngồi thở ở tư thế như chó ngồi. Lợn kém ăn hoặc bỏ ăn hoàn toàn.

Vùng hầu, mặt có biểu hiện sưng phù, tai và bụng xuất hiện nhiều mảng tím đỏ. Niêm mạc mắt tím tái, nước mũi chảy ban đầu màu nhờ đục, sau có lẫn máu.

Bệnh tiến triển từ 1 - 2 ngày hoặc kéo dài 5 - 10 ngày. Lợn gầy yếu dần rồi chết, nếu không chết chuyển sang thể mãn tính.

**** Thể mãn tính***

Đây là thể thường gặp, lợn gầy yếu, ho, khó thở, đôi khi ho khan hoặc ho liên miên. Lúc đầu đi phân táo sau chuyển sang ỉa chảy, phân có mùi khó chịu. Trên da có những đám xuất huyết tím bầm đặc biệt ở tai, bụng, phía dưới đùi và bẹn. Nếu không điều trị kịp thời, tuỳ thuộc vào mức độ nặng nhẹ của bệnh, lợn sẽ chết sau 1 - 2 tháng.

4. Bệnh tích

**** Thể cấp tính***

Xoang ngực, xoang bao tim và xoang phúc mạc tích nhiều nước. Phổi viêm nặng, màu đỏ sẫm do tụ huyết và xuất huyết. Phổi bị xơ hoá có nhiều điểm hoại tử, màng phổi viêm dính vào lồng ngực.

Lợn mắc bệnh tụ huyết trùng (sưng hầu, mặt, da tụ huyết)

Các hạch ở hầu họng và hạch màng treo ruột sưng to và tụ huyết. Tụ huyết, xuất huyết ở nhiều cơ quan bên trong. Thận ứ máu đỏ sẫm, mổ ra có máu cục, lá lách sưng to, tụ huyết.

**** Thể mãn tính***

Lợn thường rất gầy. Phổi viêm với nhiều tổ chức xơ hoá, có thể có ổ hoại tử bã đậu. Có hiện tượng viêm khớp có mủ, gây đau chân và đi lại khó khăn.

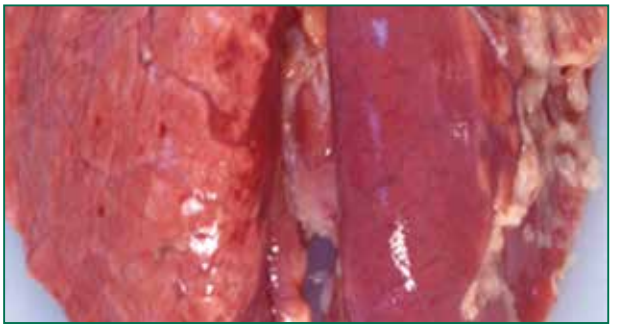

Bệnh tích tụ huyết trùng lợn (phổi tụ huyết, xuất huyết)

5. Chẩn đoán

Dựa vào các triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh và dịch tễ từng vùng.

Phân lập căn nguyên gây bệnh.

6. Phòng trị bệnh

a) Phòng bệnh

**** Vệ sinh phòng bệnh***

- Chuồng nuôi phù hợp với các loại lợn và độ tuổi khác nhau, có tường bao, rào chắn. Chuồng trại luôn thông thoáng, đủ ánh sáng, mát về mùa hè, ấm về mùa đông.

- Thường xuyên quét dọn, định kỳ tẩy uế, khử trùng chuồng nuôi, cọ rửa và tiêu độc máng ăn, máng uống và các dụng cụ chăn nuôi, quần áo bảo hộ...

- Sau mỗi đợt nuôi, phải vệ sinh chuồng trại và khử trùng tiêu độc, sau đó để trống chuồng. Lợn mới mua về phải nuôi cách ly ở khu vực riêng từ 15 - 20 ngày trước khi nhập đàn.

- Phân, rác và chất thải trong chuồng cần được thu gom thường xuyên, đưa ra chỗ tập trung riêng để giữ chuồng luôn sạch sẽ. Hạn chế phương tiện, người và vật lạ vào khu vực chăn nuôi.

**** Các biện pháp khử trùng tiêu độc***

- Sử dụng ánh nắng mặt trời để phơi máng ăn, máng uống, dụng cụ chăn nuôi.

- Quét nước vôi pha loãng nồng độ 10% (1 kg vôi/10 lít nước) trong chuồng nuôi, môi trường xung quanh.

- Dùng một số hóa chất sát trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

**** Vệ sinh thức ăn và nước uống***

- Thức ăn, nước uống phải đảm bảo vệ sinh.

- Bệnh tụ huyết trùng là bệnh truyền nhiễm có tính chất thổ nhưỡng, vi khuẩn cư trú ở khắp nơi gặp điều kiện thuận lợi là phát dịch.

**** Phòng bệnh bằng vắc-xin***

Đây là biện pháp chủ động, tích cực và có hiệu quả nhất, 1 năm tiêm 2 - 3 lần tuỳ theo mục đích chăn nuôi và dịch tễ từng vùng. Lần 1 tiêm khi lợn 45 - 50 ngày tuổi, sau đó tiêm nhắc lại cứ 6 tháng 1 lần.

Lưu ý: Những nơi thường xuyên có dịch xảy ra, cần tiêm vắc-xin nhắc lại 2 lần, sau lần 1 khoảng 3 - 4 tuần, sau đó tiêm nhắc lại cứ 6 tháng 1 lần.

b) Điều trị bệnh

- Có thể dùng một số thuốc như Streptomycin, Kanamycin, Ampikana, Oxytetracyclin... liều theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất. Kết hợp bổ sung vitamin, thuốc trợ sức, trợ lực cho lợn.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh, sát trùng chuồng nuôi và môi trường xung quanh■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Khi tham gia Chương trình "Hãy hỏi để biết" của Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC16, tôi nhận được nhiều câu hỏi của nông dân về kỹ thuật nuôi lươn và kỹ thuật sản xuất con giống, cách thuần hóa lươn đồng để nuôi trong bể. Chúng tôi xin giới thiệu kỹ thuật cho lươn sinh sản bán nhân tạo và cách thuần hóa lươn đồng để giúp bà con chủ động sản xuất con giống.

I. Kỹ thuật cho lươn sinh sản bán nhân tạo

1. Chuẩn bị bể

Dùng bạt để làm bể nuôi, thành bể được buộc chặt với cọc tre hoặc gỗ, chiều cao bể từ 0,8 - 1,0 m, bể nên là hình chữ nhật (kích thước 4 m x 15 m hoặc 4 m x 20 m). Sau khi dựng bể xong, lấy đất sét xếp xung quanh thành bể (chú ý đất cao hơn mặt nước bể khoảng 10 - 15 cm), độ dày đất 0,4 - 0,5 m, diện tích đất xếp chiếm 50% diện tích bể (giữa bể không cho đất).

Cấp nước vào bể rồi tiến hành thả lươn. Bể có ống nước cấp vào và ống nước ra (chú ý bố trí ống nước cấp vào và ống nước ra đối diện nhau, tốt nhất theo chiều dài bể, ống nước ra khống chế độ sâu của nước bể khoảng 30 - 40 cm). Mặt bể có thể thả bèo tây, hoặc cây trúc nhỏ, bó thành bó xếp trên mặt nước để che nắng và ngăn ánh sáng, đồng thời làm nơi trú ẩn của lươn. Bố trí từ 8 - 10 khoảng trống để làm chỗ cho lươn ăn.

2. Chọn lươn cái

Lươn nuôi được 4 - 5 tháng, tiến hành chọn lươn cho đẻ. Chọn con đều cỡ, khỏe mạnh, không bị bệnh, màu sắc tươi sáng, quan sát con cái thấy trứng trong bụng. Mật độ lươn cho đẻ 25 - 30 con/m^2 bể.

3. Cho sinh sản

Làm tổ cho lươn trên nền đất bằng cách khoét nhiều tổ hình trụ dọc theo thành bể, đường kính 30 cm, chiều sâu hết độ dày của đất, dưới đáy đặt ống nhựa đường kính 60 mm thông ra giữa bể, phía trên dùng một viên ngói để che kín miệng tổ (ảnh thứ 2 và thứ 3), thay nước 1 lần/ngày để kích thích lươn phát dục.

4. Mùa vụ cho sinh sản tốt nhất

Miền Bắc cho lươn đẻ từ tháng 4 đến tháng 8, miền Nam từ tháng 2 đến tháng 10.

5. Ấp trứng và nuôi lươn bột

Sau khi thấy lươn đã đẻ trứng, có thể để trứng nguyên tại tổ để trứng tự nở, hoặc có thể hớt bọt trứng đưa vào chậu ấp nhân tạo (chú ý phải giữ nguyên trứng trong bọt). Khi đưa vào chậu bổ sung sục khí 24/24 giờ, thay nước 1 lần/ngày, sau 7 - 10 ngày trứng nở.

Kỹ thuật cho lươn sinh sản bán nhân tạo và thuần hóa LƯƠN ĐỒNG

Lươn bột nở sau 7 ngày cho ăn bằng trùn chỉ hoặc moina, bố trí giá thể bằng tơ dứa hay nilon cho lươn bột trú. Khi lươn được 20 - 25 ngày tuổi, đưa ra bể để nuôi lươn giống, mật độ nuôi từ 1.500 - 2.000 con/m^2. Khi lươn giống đạt kích cỡ 50 - 60 con/kg có thể bán lươn giống cho các cơ sở nuôi lươn thương phẩm. Tỷ lệ sống của lươn bột lên giống nếu chăm sóc tốt có thể đạt 60 - 70%.

II. Kỹ thuật thuần hóa lươn đồng

1. Chọn giống và chăm sóc

Sau khi lươn đồng được khai thác về, chọn con giống đều cỡ, khỏe mạnh, không bị bệnh, không xây xát, màu sắc tươi sáng, khai thác tự nhiên (không khai thác bằng điện, câu, bả, chất dụ lươn…).

Trước khi thả phải tắm cho lươn bằng nước muối 3%, thời gian 15 - 20 phút để phòng bệnh. Cỡ giống thả 50 - 100 con/kg, mật độ thả 200 - 300 con/m^2. Thả 7 - 10 ngày sau cho ăn, ban đầu cho ăn ít, tăng dần về sau, thức ăn là 80% cá tạp, giun, ốc bươu vàng xay nhỏ trộn với 20% thức ăn công nghiệp. Ban đầu cho ăn 1 lần/ngày, sau 2 tuần lươn đã quen cho ăn 2 lần/ngày.

Có thể thuần hóa lươn trong bể có bùn hoặc không bùn, nếu có bùn mật độ giảm 1/2 so với nuôi không bùn (khoảng 100 - 150 con/m^2). Thời gian thuần hóa từ 20 - 30 ngày là được, tỷ lệ sống có thể đạt trên 80% nếu chất lượng lươn đưa vào thuần hóa tốt. Thay nước 1 lần/ngày để đảm bảo nước không bị ô nhiễm.

2. Phòng trị bệnh

Trong quá trình nuôi phải quan sát hàng ngày để phát hiện những con bị bệnh (biểu hiện là tách đàn và ngóc đầu lên, không ăn, bơi vật vờ…), bắt những con này nhốt riêng và tắm mước muối 3% hoặc thuốc tím ($KMnO_4$) để trị bệnh. Cho lươn ăn thêm vitamin C để tăng sức đề kháng.

3. Vận chuyển

Lươn rất dễ vận chuyển, khi thuần hóa xong, trước khi bán giống phải dừng cho ăn 1 - 2 ngày, thả lươn vào bể nước sạch ít nhất 24 giờ trước khi vận chuyển, chuẩn bị thùng xốp hoặc dụng cụ vận chuyển chứa lươn. Khi đánh bắt, dùng vợt xúc nhẹ nhàng tránh xây xát (chú ý chỉ cho thêm một ít nước để lươn không bị khô da), vận chuyển xa thời gian trên 4 giờ thì đóng túi nilon bơm ôxy.

Thuần hóa lươn đồng bằng thùng phi

Trứng lươn ở tổ

Trứng lươn ở trong bọt

Bà con cần tư vấn có thể liên hệ với ông Kim Văn Tiêu (số điện thoại 043. 7711.297) để biết thêm thông tin■

KIM VĂN TIÊU
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI TẠO AO NUÔI TÔM

(Kỳ 1)

1. Lựa chọn địa điểm nuôi (đối với cơ sở nuôi mới)

Trong vùng quy hoạch nuôi, nền đất thịt hoặc đất thịt pha cát, có khả năng giữ nước tốt, pH đất ≥ 5. Nguồn nước tốt và cấp thoát nước một cách chủ động. Chọn chất đất (nền đáy) có đặc tính tốt, cơ cấu đất phải giữ được nước. Giao thông thuận lợi giúp cho việc chăm sóc, quản lý, vận chuyển dễ dàng.

Với những nền đáy không phù hợp hoặc tại các tỉnh ven biển miền Trung, nuôi tôm trên cát đã được xem là một giải pháp. Có thể lựa chọn giải pháp lót bạt đáy: Đào ủi đất sâu 1 - 1,3 m đắp thành hồ, ao nuôi. Sử dụng tấm bạt nhựa nilon mỏng loại một lớp trong suốt đủ rộng để trải đáy ao và xung quanh bờ để chống thấm nước trong ao ra ngoài. Sau khi trải tấm nilon, phủ cát lên nilon với độ dày 30 - 50 cm. Bờ ao được chải mái theo hệ số 1:1, xung quanh bờ nên dùng loại bạt 2 lớp dày vừa chịu lực vừa giữ bờ tốt hơn. Hệ thống cấp nước mặn từ biển qua máy bơm công suất 15 - 20CV dẫn nước vào ao nuôi bằng ống nhựa hoặc mương, xây máng trực tiếp trên bờ ao. Diện tích ao nuôi từ 0,4 - 0,6 ha, có một cống tháo nước khẩu độ 0,6 - 1,0 m và mương dẫn nước thải ra ngoài. Ngoài ra, mỗi ao nuôi phải có 1 - 2 giếng đào đường kính 3 - 4 m để lấy nước ngọt từ dưới lòng đất cấp cho ao nuôi (chú ý khi khoan nước ngầm phải xin phép Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Thiết kế trang trại (đối với cơ sở nuôi mới)

Khi xây dựng hệ thống nuôi, không làm ảnh hưởng xấu đến rừng ngập mặn;

Cần có hệ thống kênh cấp nước, thoát nước riêng biệt; Cống/mương có thể bằng xi-măng, ống nhựa hay sắt tùy thuộc vào điều kiện kinh tế đảm bảo tiện sử dụng và dễ dàng vệ sinh; Chủ động điều tiết nước vào ao.

Diện tích ao chứa nước cấp bằng 20 - 30% tổng diện tích ao nuôi; diện tích ao xử lý nước thải bằng 10 - 15% tổng diện tích ao nuôi. Cần có một diện tích nhất định để chứa bùn đáy sau mỗi vụ nuôi. Gia cố kỹ bờ ao, kênh, mương nhằm tránh thẩm thấu và sạt lở khi mưa bão, đảm bảo giữ không cho tôm nuôi thoát ra ngoài hay sinh vật tạp xâm nhập vào ao. Độ sâu mực nước tối thiểu với ao nuôi tôm sú là 1,0 m; ao nuôi tôm thẻ chân trắng là 1,1 m.

Hệ thống sục ôxy ao nuôi tôm công nghiệp

Nên trồng cây ngập mặn, thả cá, nhuyễn thể hai mảnh vỏ, trồng rong biển... trên kênh thoát nước và ao xử lý chất thải để tạo hệ lọc sinh học.

3. Chuẩn bị ao nuôi

Bước 1: Sau khi kết thúc vụ nuôi phải tháo cạn nước ao nuôi và ao lắng. Ao để ướt ít nhất 3 ngày để kiểm tra chất lượng đáy. Nếu đáy ao có màu đen và mùi hôi, cần nạo vét hết bùn và chuyển đi nơi khác, tu sửa bờ, cống cấp nước, thoát nước. Tuyệt đối không đổ đất vét đáy ao ra kênh, mương của vùng nuôi để giảm thiểu nguy cơ làm lây lan dịch bệnh. Làm cạn nước ao để loại bỏ chất thải, mùn bã hữu cơ trong ao nuôi.

San đáy ao dốc về phía cống thoát; đầm nén kỹ bờ ao hoặc lót bạt để chống xói lở và hạn chế rò rỉ; rào lưới quanh ao để tránh các loài ký chủ trung gian gây bệnh từ bên ngoài như cua, còng, rắn.

Bước 2: Rải vôi bột (vôi nung) liều lượng 20 - 30 kg/1.000 m^2 (pH đất > 4) hoặc 30 - 40 kg/1.000 m^2 (pH đất ≤ 4) rải đều khắp ao, hệ thống cấp thoát nước, thành bờ ao để cải tạo đáy ao, điều chỉnh pH ao và diệt khuẩn.

Bước 3: Bừa kỹ cho vôi ngấm vào đáy ao để diệt hết tôm, cua, còng, ốc, côn trùng, cá tạp, diệt khuẩn trong bùn, giải độc (kim loại nặng, H_2S) và trung hòa pH. Ao lót bạt đáy chỉ cần vệ sinh khử trùng.

Bước 4: Tùy điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương, phơi đáy ao được chia thành 2 trường hợp:

- Với khu vực nhiễm phèn: Không phơi ao (vì phơi ao sẽ làm tăng độ phèn của đáy ao), bơm cạn nước; dùng máy cào chất thải về cuối góc ao, bơm chất thải vào ao chứa thải, sau đó bón vôi với liều lượng như bước 2.

- Với khu vực không nhiễm phèn: Phơi đáy ao ít nhất 2 tuần từ ngày bón vôi; khi đất đáy chuyển sang màu hơi trắng, mặt đáy ao nứt chân chim là được.

**** Lưu ý:***

- Sau mỗi vụ nuôi, với ao đất, phải phơi khô cứng nền đáy ao lắng, ao nuôi ít nhất 30 ngày để ngắt vụ, tiêu diệt các mầm bệnh, khoáng hóa và phục hồi môi trường nền đáy;

- Đối với ao không thể làm khô đáy thì cần rửa (thau) và dùng bơm hút hết bùn đen ở đáy.

Cải tạo ao sau thả nuôi

4. Xử lý nước và lấy nước vào ao nuôi

Theo lịch hoặc khuyến cáo của cơ quan quản lý địa phương hoặc dựa vào kết quả kiểm tra chất lượng nước.

Bước 1: Lấy nước vào ao lắng qua túi lọc bằng vải dầy nhằm loại bỏ rác, ấu trùng, tôm, cua, còng, ốc, côn trùng, cá tạp. Để lắng 3 - 4 ngày.

Bước 2: Chạy quạt nước liên tục trong 2 - 3 ngày để kích thích trứng tôm, ốc, côn trùng, cá tạp nở thành ấu trùng.

Bước 3: Diệt tạp, diệt khuẩn nước cấp trong ao lắng vào buổi sáng (8 giờ) hoặc buổi chiều (16 giờ) bằng Chlorine nồng độ 30 ppm (30 kg/1.000 m^3 nước), hoặc những chất diệt tạp có tên trong Danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam (không dùng thuốc bảo vệ thực vật và các chất cấm).

Bước 4: Quạt nước liên tục trong 10 ngày để phân hủy dư lượng Chlorine. Kiểm tra dư lượng Chlorine trong nước bằng test thử Chlorine, nếu không còn Clo dư thì mới tiến hành gây màu nước tại ao nuôi.

Bước 5: Cấp nước từ ao lắng qua ao nuôi (qua nhiều lớp túi lọc bằng vải dày) đến khi mức nước trong ao nuôi đạt từ 1,3 - 1,5 m. Để lắng 2 ngày.

Cống cấp thoát nước ao nuôi

**** Lưu ý:***

- Không diệt tạp trong ao đang nuôi;

- Không lấy nước vào ao lắng khi: i) nước ngoài kênh/mương có nhiều váng bọt, màng nhầy, nhiều phù sa; ii) nguồn nước nằm trong vùng có dịch bệnh; iii) nước có hiện tượng phát sáng vào ban đêm; iv) nước thải từ các làng nghề.

Hệ thống mương cấp - thoát nước khu vực nuôi tôm

Đối với ao nuôi tôm trên cát: Cần rất nhiều nước, cả nước biển lẫn nước ngọt. Do các khu vực nuôi tôm trên cát đều nằm sát biển, có thể bơm trực tiếp từ biển vào. Tuy nhiên vấn đề khó khăn nhất lại là nguồn nước ngọt.

TTKNQG

(Xem tiếp số 6/2015)

KỸ THUẬT nhân giống cây điều BẰNG PHƯƠNG PHÁP GHÉP NON NỐI NGỌN

Cây điều là cây giao phấn điển hình, do đó nhân giống bằng hạt cây giống sẽ phân ly mạnh làm giảm năng suất chất lượng, tính ổn định và độ đồng đều giữa các cá thể ở thế hệ sau. Hiện nay, nhân giống cây điều bằng phương pháp ghép non nối ngọn cho kết quả tốt nhất.

1. Chuẩn bị chồi ghép

Để có đủ chồi ghép cho hàng năm cần phải trồng vườn nhân chồi ghép hoặc có thể chọn chồi ghép từ những vườn sản xuất.

a) Vườn nhân chồi ghép

- Vườn trồng cây lấy chồi ghép gọi là vườn nhân chồi ghép gồm những cây điều giống tốt, đã qua tuyển chọn. Nên trồng vườn nhân chồi ghép sớm hơn một năm để cây có thể cho một số lượng chồi đủ để tiến hành sản xuất giống vào năm sau. Mỗi dòng điều được trồng trong một khu vực riêng theo sơ đồ và có bảng tên phân biệt để tiện việc quản lý chồi ghép. Vườn nhân chồi ghép có thể trồng theo mật độ 2.200 cây/ha với khoảng cách 1,5 x 3 m hoặc 3.300 cây/ha với khoảng cách 1 x 3 m.

- Khi cây 2 tầng lá thì tiến hành cắt ngọn để tạo tán thấp và nhiều cành cấp 1 - 2 để thu được nhiều chồi. Chồi vượt dưới vết ghép phải được đánh bỏ thường xuyên.

- Hàng năm sau khi thu hoạch chồi, chiều cao cây và đường kính tán phải được hãm thấp ở phạm vi 1,0 - 1,2 m.

b) Chọn chồi từ vườn sản xuất

Trong trường hợp không có vườn nhân chồi ghép thì có thể lấy chồi ghép ở vườn sản xuất nhưng phải chọn ở những cây có từ 3 vụ quả trở lên, năng suất ổn định; tỷ lệ nhân hạt > 28%, kích cỡ hạt < 160 hạt/kg, có 5 - 10 quả/chùm, tỷ lệ chồi ra hoa > 75%; cây sinh trưởng khỏe, phát tán đều và ít sâu bệnh.

c) Tiêu chuẩn chồi ghép

Cành ở ngoài sáng; không quá già hoặc quá non (màu nâu nhạt), có đỉnh chồi to và lá sắp bung ra là tốt nhất; đường kính cành > 0,6 cm; chiều dài cành 7 - 10 cm; không có vết sâu, bệnh.

Sau khi cắt chồi, tỉa bỏ phiến lá, giữ cho chồi tươi bằng cách bọc trong vải ẩm đặt vào thùng xốp có chứa nước đá, đậy kín thùng xốp và đặt vào nơi thoáng mát. Trong điều kiện thiếu chồi ghép có thể dùng đoạn cành kế chồi ngọn để làm chồi ghép.

2. Chuẩn bị gốc ghép

a) Thiết kế vườn ươm gốc ghép

- Vườn ươm gốc ghép phải đặt nơi cao ráo, thoát nước tốt. Xung quanh khu vực vườn ươm phải quang đãng, không có cây che bóng.

- Bầu ươm: Bằng túi nhựa P.E màu đen, dày 0,15 mm, kích thước túi bầu 15 cm x 25 cm hoặc 18 cm x 28 cm, bầu đục lỗ thoát nước và bảo đảm độ thoáng khí.

- Hỗn hợp đất vào bầu được trộn theo thể tích như sau: 70 - 90% đất mặt + 10 - 30% phân chuồng hoai + 0,5% lân supe. Hỗn hợp đất, phân trộn đều và được phun thuốc chống nấm hại rễ 1 - 2 ngày trước khi đóng bầu.

- Bầu ươm gốc ghép được đặt theo luống, mỗi luống xếp từ 4 hàng. Rãnh luống rộng

Chồi ghép đúng tuổi

Chồi ghép quá tuổi

60 - 80 cm để dễ dàng thực hiện thao tác ghép.

b) Giống điều làm gốc ghép

Kinh nghiệm cho thấy sử dụng hạt của cây điều sẻ lùn làm cây ghép sẽ tránh được tình trạng cây điều ghép phát triển không đều. Cây điều sẻ là cây điều lùn, hạt nhỏ (trên 250 hạt/kg) nên hệ số nhân giống cao, sức sống của hạt khoẻ, cây con phát triển mạnh, đồng đều, ít thấy hiện tượng phân ly khi gieo bằng hạt.

c) Xử lý và gieo hạt giống

- Hạt giống làm gốc ghép được thu gom trên các cây mẹ có năng suất cao và sinh trưởng khỏe, được rửa sạch phơi khô đến độ ẩm 8 - 10%. Bảo quản hạt trong điều kiện khô ráo và kín gió.

- Xử lý hạt: Thả hạt vào nước và loại bỏ những hạt nổi, rửa sạch. Ngâm hạt trong ba ngày, hai ngày đầu trong nước, ngày thứ ba trong nước có pha thuốc trừ sâu bệnh (Basudin 0,5% + Benlate C 0,5%) để hạn chế kiến đục nhân và nấm bệnh tấn công hạt khi mới nẩy mầm. Thay nước 1 lần/ngày. Sau đó, ủ hạt trong bao tải (bao gai) hay cát ẩm, nền thoát nước, nơi râm mát, có thể phủ nhẹ trên mặt bằng rơm rạ. Sau 4 - 5 ngày thì hạt nảy mầm.

- Gieo hạt: Khi hạt nảy mầm dùng lưỡi lam cắt chóp rễ (để rễ hình thành chùm rễ cọc sau này) và gieo hạt vào bầu ươm đã được chuẩn bị sẵn. Mỗi bầu gieo 1 hạt, đặt eo hạt tiếp xúc với mặt đất và ấn chìm hạt ngay xuống mặt đất. Tưới ẩm bằng ô doa hoặc vòi phun hàng ngày.

d) Chăm sóc cây con trong bầu

Tưới đủ nước và làm cỏ sạch khi cây còn nhỏ. Phun thuốc Sherpa 25EC để phòng sâu hại lá, sâu đục ngọn và bọ xít muỗi. Phun thuốc trừ nấm để phòng bệnh lở cổ rễ, đặc biệt thường xảy ra trong tháng đầu tiên khi cây con chưa hóa gỗ.

Cây điều ghép đạt tiêu chuẩn xuất vườn

đ) Tiêu chuẩn gốc ghép

- Cây con ươm bằng hạt trong bầu được khoảng 45 - 60 ngày thì tiến hành đảo bầu (nhấc rễ), loại bỏ các cây còi cọc hoặc dị dạng và xếp lại thành từng ô với mức độ sinh trưởng khác nhau để tiện chăm sóc. Sau đó để cây con ổn định trong 15 - 30 ngày thì tiến hành ghép.

- Tiêu chuẩn cây gốc ghép:

+ Đường kính thân từ 7 - 10 mm.

+ Có từ 10 - 15 lá trở lên.

+ Tuổi cây từ 60 ngày tuổi trở lên.

+ Cây con khỏe mạnh, không bị nhiễm sâu bệnh.

3. Kỹ thuật ghép nối ngọn

** Yêu cầu:* Thực hiện ở nơi râm mát; thao tác nhanh gọn; buộc dây cố định vết ghép thật chặt, tránh tiếp xúc với nước (phòng ngừa nấm bệnh xâm nhiễm).

a) Ghép chồi nêm ngọn

- Dùng dao ghép cắt ngang ngọn gốc ghép cách mặt đất 10 - 15 cm, để lại 2 - 3 lá thật trên gốc ghép. Sau đó chẻ đôi gốc thành 2 phần bằng nhau và dài khoảng 3 cm.

- Vạt xiên 2 bên chồi ghép tạo thành hình cái nêm.

- Đặt chồi ghép vào trùng khít với gốc ghép đã chẻ, nếu đường kính của chồi ghép và gốc ghép khác nhau thì để cho một bên mép vỏ của chồi ghép và gốc ghép liền khớp nhau. Dùng băng nilon mỏng quấn chặt từ dưới lên trên để cố định và bịt kín chồi ghép.

b) Ghép chồi vạt ngọn

- Dùng dao ghép vạt xiên thân gốc ghép một mặt phẳng nghiêng dài 3 - 4 cm, cách mặt đất 10 - 15 cm. Chừa lại 2 - 3 lá thật trên gốc ghép.

- Đối với chồi ghép cũng vạt một mặt xiên tương tự, sau đó áp mặt cắt của chồi ghép vào gốc ghép. Dùng dây nilon quấn chặt từ dưới lên trên để cố định và bịt kín chồi ghép.

c) Thời vụ ghép

Thời vụ ghép tốt nhất, đạt tỷ lệ sống cao là từ tháng 2 - 7. Thời vụ này sử dụng chủ yếu chồi ghép từ vườn nhân chồi. Trong thực tế, từ tháng 2 đến tháng 5 là thời kỳ cây điều có hoa, mang quả nên nếu sử dụng chồi từ cây mẹ thì thời vụ tốt nhất là từ tháng 6 - 7.

Nên ghép vào buổi sáng lúc trời mát, lúc cây đã hút đủ nước qua đêm. Thời gian ghép tốt nhất là 6 - 10 giờ sáng.

4. Chăm sóc cây ghép

- Cây sau khi ghép được tưới ẩm bằng vòi phun hoặc ô-doa hàng ngày, 2 - 3 ngày đầu có thể tưới số lần nhiều hơn.

- Khi cây ghép đã bứt chồi, nếu tầng lá thứ nhất của cây phát triển kém có thể tưới phân NPK loại 16:16:8 nồng độ 1 - 1,5%.

- Thường xuyên kiểm tra để cắt bỏ các chồi mọc ra ở phía dưới vết ghép.

- Đảo bầu: Khi cây ghép có tầng lá đầu tiên phát triển hoàn chỉnh (thường phải từ 4 - 6 tuần kể từ lúc ghép) thì tiến hành đảo bầu và phân loại cây.

5. Tiêu chuẩn cây điều ghép trước khi xuất vườn

- Có đủ 2 tầng tán lá khoẻ, lá bánh tẻ, tầng lá thứ 2 cứng cáp, không héo khi vận chuyển trồng.

- Chiều cao cây > 30 cm

- Đường kính gốc ghép đạt 0,8 - 1 cm trở lên

- Điểm ghép chắc liền, tròn đều trên thân chính. Chiều cao điểm ghép không quá 20 cm.

- Cây xuất vườn phải được đảo bầu tối thiểu trước 10 ngày.

Sau khi ghép 2 tháng, cây sẽ đạt tiêu chuẩn xuất vườn■

ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Vườn ươm cây điều ghép

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Trung ương, từ nay đến cuối năm, hiện tượng El Nino bộc lộ rất rõ ràng và đang vào giai đoạn phát triển, dòng hải lưu nóng ở Thái Bình Dương gia tăng, nền nhiệt trung bình cao hơn trung bình năm 2014 từ 1 - 1,5^{0}C. Lượng mưa thiếu hụt và hạn hán sẽ khốc liệt hơn ở miền Trung.

Bão và áp thấp được dự báo ít hơn trung bình năm 2014, tác động và ảnh hưởng chỉ 5 - 6 cơn, song có hướng di chuyển phức tạp và cường độ, cấp gió dữ dội hơn. Tất cả các dự báo này đều là những bất lợi rất lớn cho sản xuất vụ hè thu, mùa.

Năng suất lúa hè thu, mùa về tiềm năng không cao bằng vụ đông xuân. Vụ này tác động của mưa, bão gây úng lụt đe dọa suốt từ đầu đến cuối vụ, kèm theo là các hệ quả gây chết lúa sau cấy khi cây chưa kịp bén rễ hồi xanh, hoặc ngay cả khi đã ra rễ và bắt đầu đẻ nhánh nếu ngập lụt kéo dài cũng sẽ làm chết úng, rễ đen, thân lá thối và phải gieo cấy lại.

Việc gieo cấy lại nếu còn trong khung thời vụ thì mới có hiệu quả, nhưng bản thân sự cố này cũng sẽ làm phá vỡ cơ cấu, vỡ mùa vụ, ảnh hưởng dây chuyền tới vụ đông kế tiếp.

Ở vụ mùa, mưa bão lớn làm lá lúa dễ bị rách, tổn thương và nguy cơ lây lan dịch bệnh bạc lá sẽ không tránh khỏi, thực tế với những giống lúa mẫn cảm, sau mưa, bão giai đoạn lúa chuẩn bị trổ bông, lá bị tổn thương có khi cả cánh đồng lá bạc trắng, năng suất giảm trầm trọng.

Mưa bão giai đoạn trổ bông, phơi màu ngăn cản quá trình thụ phấn, kết hạt và vì lẽ đó, về tổng thể tỷ lệ lép ở vụ mùa bao giờ cũng cao hơn vụ đông xuân.

Cũng vì mưa, bão, nhiệt độ cao, hiệu quả phân bón ở vụ mùa thường thấp hơn vụ đông xuân, phân bón dễ bị rửa trôi, song lại có nguy cơ khi bón sẽ cung cấp ồ ạt cho cây và dẫn tới mất cân đối trong quá trình hấp thụ, làm giảm sức chống chịu của cây.

Những giải pháp:

Vụ mùa 2015, áp lực thời vụ tuy không cao, vì lúa xuân thu hoạch sớm, tuy nhiên cần hướng dẫn bà con nông dân tuân thủ các giải pháp kỹ thuật sau:

- Sau thu hoạch lúa xuân tranh thủ cày, lồng vận rạ càng nhanh càng tốt, giữ nước mặt ruộng và sử dụng thêm các chế phẩm như Tricoderma, phân vi sinh đa chủng đa chức năng… bón rải mặt ruộng để xúc tiến cũng như hỗ trợ quá trình phân hủy rơm rạ, tránh hiện tượng ngộ độc hữu cơ cho lúa mùa sau cấy, nhất là với trà lúa mùa sớm. Đây cũng là giải pháp bổ sung hữu cơ cho đất, tránh đốt rơm rạ gây ngột ngạt và ô nhiễm môi trường.

- Vệ sinh đồng ruộng, rà bờ, cuốc góc để hạn chế nguồn sâu bệnh trên ký chủ, kết hợp san phẳng mặt ruộng giúp cho quá trình tưới tiêu thuận lợi.

- Tổ thủy nông, hợp tác xã dùng nước cần chủ động sớm trong việc khơi thông mương máng, các công trình đầu khâu, vớt bèo bồng trên các trục sông tiêu, đầu các cống tiêu lớn, kiểm tra vận hành hệ thống điều khiển cống tiêu, các máy bơm tiêu úng, kể cả chuẩn bị hệ thống máy dầu dã chiến... đảm bảo tốt năng lực tưới và tiêu úng nhanh nhất.

Trong bối cảnh El Nino, dự báo mưa với cường độ cao, đồng ruộng bị chia cắt bởi các công trình giao thông, đô thị, năng lực tiêu úng bị hạn chế, việc chuẩn bị kỹ các phương án tiêu cần được các địa phương tính toán và sẵn sàng cao nhất.

- Về kỹ thuật: Sử dụng các giống lúa ngắn ngày; mở rộng trà mùa sớm, cực sớm để khi có nguy cơ mưa lớn gây ngập

Vụ hè thu và vụ mùa 2015 ở các tỉnh phía Bắc
NHỮNG VẤN ĐỀ LƯU Ý

úng thì cây lúa đã ở giai đoạn đẻ nhánh rộ, lá đã vươn, tránh được khả năng ngập sâu trong nước; giai đoạn này chỉ cần thò chóp lá đã có thể không bị thiệt hại. Thực tế nhiều năm gần đây, trà cực sớm và sớm ở miền Bắc an toàn và cho năng suất cao, ổn định hơn. Chủ trương của Bộ Nông nghiệp và PTNT khuyến cáo các địa phương mở rộng diện tích trà này cũng để tạo thêm quỹ đất làm cây vụ đông ưa ấm, nhóm cây rau màu có giá trị thu hoạch cao.

Một số vùng bà con nông dân để lúa chét sau thu hoạch lúa xuân, thâm canh lúa chét cho thu hoạch 100 - 130 kg/sào Bắc Bộ, tương đương 3,1 - 3,3 tấn/ha, trong khi phải bỏ ra chi phí rất thấp, lãi thu được từ thâm canh lúa chét cao gấp 1,5 - 2 lần cấy lúa mùa sớm hoặc chính vụ. Cái được lớn hơn là tháng 9 bà con đã có quỹ đất để làm các cây vụ đông, rau màu ưa ấm, ngô thu đông cho năng suất và giá trị rất cao. Công thức này làm rất thành công ở Thái Bình, giá trị thu hoạch/ha cao tới 300 - 350 triệu đồng. Cần tuân thủ chủ trương quy hoạch vùng đối với các trà lúa, giống lúa để gắn với mùa vụ và biện pháp kỹ thuật cũng như chủ động trong các biện pháp phòng chống úng ngập. Có phương án dự phòng giống nhóm ngắn ngày đề phòng bất trắc.

Hạn chế sử dụng các giống lúa mẫn cảm với bạc lá, dự báo vụ mùa năm nay, nguy cơ bệnh lan thành dịch rất cao. Các giống lúa chất lượng nên bố trí né vùng thường xuyên có ổ bệnh hàng năm. Các biện pháp canh tác cần được thông tin, hướng dẫn cặn kẽ cho nông dân, bệnh bạc lá cần được theo dõi chặt ở các ổ bệnh, điều tiết phân bón và phun phòng bằng một số loại thuốc khi mới chớm bệnh theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật.

Hiện đã có một số tiến bộ kỹ thuật về giống có gen kháng bạc lá, một số vụ mùa gần đây đã được các công ty phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông các tỉnh trình diễn khá thuyết phục, cần được mở rộng. Bón phân cho lúa vụ mùa cần tuân thủ nguyên tắc: "Nhìn cây, nhìn đất và nhìn trời"; bón lót sâu, sử dụng phân bón chậm tan và "nặng đầu, nhẹ cuối", bón NPK hỗn hợp hoặc phức hợp, cân đối đạm, lân, kali. Hạn chế bón nuôi đòng bằng đạm urê, nhất là với các giống lúa chất lượng mẫn cảm với bạc lá để lá công năng không bị hư hại, bổ sung các chất trung, vi lượng, đặc biệt silic dạng nano dễ tiêu để tăng cường sức chống đỡ, ngăn cản xâm nhập của nấm và vi khuẩn vào mô cây.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến sâu bệnh hại mưa bão. Phương châm dùng nước cho lúa vụ hè thu, mùa là "Rút cạn lòng sông, tưới nông mặt ruộng", luôn đề phòng và chủ động tiêu úng là chính, ông cha ta cũng đã đúc rút kinh nghiệm "Chiêm chết khô, mùa chết úng" là vậy. Thực tế cho thấy, mặc dù đối mặt với nhiều bất lợi nhưng nếu chúng ta chủ động, tiên lượng được tình hình, vào cuộc chỉ đạo sớm, quyết liệt vụ lúa mùa vẫn có thể giành thắng lợi■

ThS. TRẦN XUÂN ĐỊNH
Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt

HỘP THƯ KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Gia đình tôi trồng 1 mẫu cây lạc, đã được 1,5 tháng. Gần đây, xuất hiện sâu cuốn lá. Tôi đã dùng thuốc trị 3 lần, lần cuối cách đây 8 ngày nhưng không khỏi, diện tích bị bệnh chiếm 70%. Xin hỏi cách khắc phục?***

Nguyễn Thị Nở
Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu

Đáp: Sâu cuốn lá không phải là đối tượng sâu hại chính trên cây lạc, nếu trồng lạc vụ thu thì thường trồng chính vụ trong tháng 7 - 8 và càng trồng muộn hơn thì sâu bệnh càng ít gây hại. Ruộng lạc của gia đình chị đã được 1,5 tháng, tức là chị đã trồng lạc vào cuối tháng 5, đầu tháng 6. Nếu ruộng lạc lại được trồng trên chân đất tốt, được bón nhiều đạm, bón muộn đã tạo điều kiện thuận lợi cho sâu hại nói chung và sâu cuốn lá gây hại. Thường sâu cuốn lá hại lạc có vòng đời như sau: ngài: 5 - 8 ngày, trứng: 4 - 7 ngày, sâu non: 20 - 30 ngày, nhộng: 5 - 8 ngày. Đối với loại sâu này phải điều tra kỹ tuổi sâu thì phun thuốc mới có hiệu quả. Thường phun thuốc diệt trừ sâu ở giai đoạn sâu mới nở, còn nhỏ (tuổi 1 - 2) thì hiệu quả mới cao. Các loại thuốc trừ sâu cuốn lá có hiệu quả là: Padan 95SP, Regent 800WG, Sokupi 0,36AS…

Khi phun thuốc trừ sâu cuốn lá cần chú ý: Lá cây lạc có lớp sáp phủ bên ngoài nên thuốc phun rất khó bám. Cần có biện pháp tăng cường độ bám dính của thuốc bằng kinh nghiệm sau: bổ sung thuốc bám dính hoặc pha thêm nước rửa chén Mỹ Hảo với liều lượng: 01 bình bơm 8 - 12 lít pha thêm 10 ml thuốc bám dính hoặc 5 - 7 giọt nước rửa chén.

Hỏi: ***Gia đình tôi có nuôi 100 con thỏ mọi lứa tuổi. Gần đây thỏ có hiện tượng đi ngoài phân đen, có dịch trắng kèm theo, ngoài ra không có hiện tượng gì khác. Xin hỏi thỏ bị bệnh gì và biện pháp khắc phục?***

Phan Văn Hiển
An Lão, Tp. Hải Phòng

Đáp: Thỏ của gia đình anh mắc bệnh cầu trùng.

Điều trị: Dùng thuốc đặc trị cầu trùng Esb3, Coccimax, Coccistop… liều theo khuyến cáo của nhà sản xuất; Kết hợp bổ sung vitamin, đặc biệt là vitamin C, K, thuốc trợ sức, trợ lực như Catosal, điện giải; khi hết liệu trình thuốc bệnh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột của thỏ, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi.

Phòng bệnh: Chăm sóc nuôi dưỡng thỏ đúng kỹ thuật, vệ sinh thức ăn, nước uống, sát trùng môi trường để tránh tái nhiễm.

Hỏi: ***Cá mú nuôi có kích cỡ trung bình 1,5 kg/con, nhiều con bị rữa vây, xuất huyết dưới da, mắt đục. Hỏi cá bị bệnh gì và phương pháp phòng trị?***

Trần Văn Trung
Cam Ranh, Khánh Hòa

Đáp: Theo như mô tả, cá bị bệnh do vi khuẩn gây nên. Khi đó, vây cá bị rữa, dưới da bị xuất huyết, có khối u. Cá có màu sắc đậm khác thường, mắt đục, lồi, có thể bị xuất huyết hoặc không. Cá thường chết ở đáy. Bệnh thường xảy ra khi nuôi với mật độ quá cao, lượng dinh dưỡng cho ăn không đủ và môi trường nước bị ô nhiễm và lưu thông kém. Hoặc sau khi cá bị các bệnh do ký sinh trùng, nấm tạo thành vết thương, đó chính là lối vào cho vi khuẩn xâm nhập.

Phòng bệnh bằng cách nuôi cá với mật độ vừa phải. Duy trì sự lưu thông nước cho lồng nuôi bằng cách định kỳ vệ sinh lồng nuôi và thay lồng để giảm thiểu sinh vật bám trên lưới. Thức ăn tươi hoặc nhân tạo cho cá phải được bảo quản tốt.

Trị bệnh bằng phương pháp tắm cá trong nước ngọt, thời gian không quá 15 phút. Hoặc tắm cá nhanh bằng dung dịch formalin và iodine. Trong quá trình điều trị, bổ sung vitamin C vào thức ăn để tăng sức đề kháng cho cá nuôi.

Cá bị bệnh có màu sắc đậm khác thường, mắt đục, lồi

Thương em mùa gặt

Thương em mùa gặt tháng năm
Lưng ong sạm nắng áo đầm mồ hôi
Ơi nồng không ngọn gió trời
Nghiêng vành nón lá em phơi đồng làng.

Trời buông vạt nắng chói chang
Đường quê tất tả mùa màng rạ rơm...
Mới hay thơm dẻo bát cơm
Là bao khó nhọc công ơn tháng ngày.

Mảnh mai thương lắm vai gầy
Em cùng mùa gặt đong đầy gian nan
Chiều quê khói tỏa miên man
Nồi cơm gạo mới râm ran nghĩa tình.

Nụ cười ánh mắt thật xinh
Làn da màu nắng quê mình em ơi!
Tháng năm thoảng ngọn gió trời
Lúa thơm mùi lúa... gọi mời tiếng quê.

QUỲNH NGA
Trạm Khuyến nông huyện Sơn Dương, Tuyên Quang

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

GẠO KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM VAT

Thủ tướng Chính phủ vừa đồng ý với những đề nghị của Bộ Tài chính trong việc giải quyết các vướng mắc xung quanh thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với mặt hàng gạo, phân bón và thức ăn chăn nuôi.

Trước đó, các hiệp hội, doanh nghiệp đã đề xuất nên giảm thuế VAT với gạo về 0 - 0,5% hoặc thậm chí đưa mặt hàng này ra khỏi diện chịu thuế VAT. Tuy nhiên, Bộ Tài chính cho rằng, Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành không có quy định về mức thuế suất 0,5%. Với đề suất áp thuế 0%, Bộ Tài chính cũng thấy không phù hợp với nguyên tắc và thông lệ quốc tế.

Theo cơ quan này, thuế suất nêu trên chỉ áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu. Hơn nữa nếu áp dụng thuế suất 0% đối với gạo thì phải áp dụng thuế suất tương tự ở tất cả các khâu từ trồng trọt, sơ chế, lưu thông thương mại và phải thực hiện hoàn thuế VAT. Một số kiến nghị cũng đề xuất đưa gạo sang đối tượng không chịu thuế VAT tại khâu kinh doanh thương mại nhưng cũng không được Bộ Tài chính ủng hộ.

Theo Tuoitre.vn

DOANH NGHIỆP CHỌN MUA TIÊU SỌ CỦA ĐỒNG NAI ĐỂ XUẤT KHẨU

Theo Cục Thống kê Đồng Nai, trong 5 tháng đầu năm 2015, toàn tỉnh xuất khẩu trên 3.200 tấn hạt tiêu, đạt kim ngạch xuất khẩu hơn 31 triệu USD, tăng 18% về lượng và 50% về giá so với cùng kỳ năm trước. Giá hạt tiêu xuất khẩu bình quân gần 9.700 USD/tấn (khoảng 203 triệu đồng/tấn).

Theo các thương lái, nhiều doanh nghiệp chọn mua tiêu sọ của Đồng Nai để xuất khẩu sản phẩm bởi chất lượng tiêu tại đây tốt hơn nhiều tỉnh khác. Nhiều vùng trồng tiêu của tỉnh đang đẩy mạnh trồng tiêu theo chuẩn GlobalGAP. Cụ thể, huyện Cẩm Mỹ hiện đã phát triển trên 10 ha tiêu đạt chuẩn GlobalGAP. Sản phẩm này đang được doanh nghiệp bao tiêu cho nông dân với giá cao hơn từ 10.000 - 12.000 đồng/kg so với thị trường.

Đến nay, diện tích tiêu trong toàn tỉnh là trên 8.000 ha, năng suất bình quân đạt trên 2 tấn/ha, lợi nhuận bình quân trên 100 triệu đồng/ha/năm. Đồng Nai là một trong 3 tỉnh, thành trong cả nước có diện tích trồng tiêu lớn nhất, mỗi năm cung cấp cho thị trường khoảng 20.000 tấn hạt tiêu.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

ĐƯỢC MÙA NGŨ CỐC, BRAZIL TIẾP TỤC PHÁ KỶ LỤC VỀ SẢN LƯỢNG

Vừa qua, Cơ quan phân phối thực phẩm quốc gia (Conab) của Brazil thông báo sản lượng ngũ cốc của nước này niên vụ 2014 - 2015 sẽ đạt 204,5 triệu tấn, tăng 5,6% so với vụ trước và tiếp tục phá kỷ lục.

Trong bối cảnh nền kinh tế Brazil đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ngành công nghiệp, thông tin được mùa ngũ cốc năm nay là một tín hiệu đáng mừng. Theo dự báo, sản lượng đậu tương sẽ đạt 96 triệu tấn, tăng 11,5% so với niên vụ trước, ngô đạt sản lượng 49,4 triệu tấn, tăng 2%.

Brazil là nước đứng thứ hai thế giới về sản xuất đậu tương lớn và đứng thứ ba về sản xuất ngô. Diện tích trồng đậu tương, mặt hàng nông phẩm xuất khẩu chủ yếu của Brazil, hiện ở mức 32 triệu ha. Brazil là một trong những nước hàng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu nông sản.

Hiện nay, sản phẩm nông sản của Brazil chiếm 1/4 tổng lưu lượng nông sản lưu thông trên thị trường thế giới và dự báo sẽ tăng lên 1/3 vào năm 2030 do nhu cầu tăng từ các nước châu Á. Tiềm năng sản xuất và cung ứng lương thực Brazil có thể đáp ứng cho 40% nhu cầu lương thực của toàn thế giới.

Theo omard.gov.vn

BANGLADESH: NGƯỜI NUÔI TÔM TÌM TỚI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA DO NHU CẦU THẤP

Người nuôi tôm ở Bangladesh đang ồ ạt bán tôm sú ra thị trường nội địa nhằm gỡ lại chi phí sản xuất do giá giảm và nhu cầu yếu ở các nền kinh tế phát triển.

Các nhà xuất khẩu trả BDT 330 (4,16 USD/kg) cho tôm cỡ trung và cỡ nhỏ trong khi những người buôn bán tôm ở các thành phố đưa ra giá BDT 350 - 375 cho tôm có kích thước cùng loại. Từ trước tới nay, tôm sú là mặt hàng đắt đỏ đối với người tiêu dùng trong nước tuy nhiên thời gian gần đây sức mua tôm sú tăng ở thị trường nội địa. Sức mua tăng giúp bảo hộ cho người nuôi trong bối cảnh nhu cầu thấp ở các thị trường nước ngoài. Tình hình năm nay không mấy khả quan do giá tôm năm nay chỉ bằng nửa năm ngoái. Trong khi đó, tôm nuôi còn bị dịch bệnh tấn công nên tất cả các trại nuôi có thể sẽ phải chịu lỗ.

Giá xuất khẩu tôm sú cỡ lớn hơn - mặt hàng thực phẩm đông lạnh chính cung cấp cho thị trường châu Âu - đã giảm xuống 5 - 5,5 USD/pao từ 9,2 USD/pao trong quý đầu của năm tài chính hiện tại.

Theo VASEP